

LÊ VĂN TRƯỞNG

GIỌT NƯỚC MẮT **ĐẦU TIÊN**

TIỂU - THUYẾT

NHA XUẤT - BẢN
ĐOÌ MỚI - HÀ NỘI

GIỌT NƯỚC MẮT ĐẦU TIÊN

LÊ VĂN TRƯỜNG



MỤC LỤC

Giọt Nước Mắt Đầu Tiên	5
Chỉ Một Câu Thôi !	56
Yêu Và Yêu	88
Muốn Được Yêu,	
Phải Là Thằng Đàn-Ông Quả-Cảm	112
Ngón Tay Thề	144

Giọt Nước Mắt Đầu Tiên

Tôi sinh ra có lẽ dưới một ngôi sao «giang hồ». Ngôi sao ấy chắc luôn luôn chu-du trong không-gian, không theo một hành tinh hệ nào không chịu một áp lực nào.

Có điều không biết rằng trong cái cuộc phiêu-du vô định ấy, ngôi sao vận mệnh của tôi có bao giờ buồn không ?

Các bạn đừng cười vội. Trong cái khoảng không thăm thẳm mù-mịt, đêm đêm đăng trên đầu ta một bức màn nhung lấp lánh những hạt ngọc lấm-chấm hai bên giải ngân hà sang sáng, trong cái khoảng sống của tinh tú đang sống cái đời sống của tinh-tú, biết đâu chẳng có một vì hành-tinh đang ngủi ngủi mờ ánh trong buồn thương ? Biết đâu ngôi sao bản-mệnh của tôi không vừa rỏ một giọt lệ của sao trong bước giang-hồ của nó ?

Tôi, trong bước giang-hồ nhân-thế, tôi biết một điều chắc chắn rằng tôi đã nhiều phen rỏ nước mắt.

Ai mà không có lúc mềm lòng trong cái thế tình đen trắng, trắng đen ? Và trước cái lộn nhào của sự vật ?

Không thể, người ta không phải là người nữa. Mà tôi, dầu sao cũng chỉ là một người, một người với tất cả những vui buồn của một kiếp nhân sinh, một người mà lòng đã bao phen rách mướp ra như lá cờ lúc chiều hôm thu quân ở sa trường.

Nhưng giọt nước mắt đầu tiên của ta rơi xuống lúc nào, ở chỗ nào nhỉ ?

Nghĩ đến, là một cái gì rất thấm thía lòng, lúc buổi chiều nay, mùa đông về, tôi thấy tôi ngồi ở một chốn thôn-quê, trong một cái nhà lá, viết giữa lúc ngoài sân, thời tiết đã đổi thay, gió đông đã lạnh lạnh.

Tại sao cơn gió lạnh đầu mùa lại thổi qua những trang giấy này ? Tại sao tôi lại viết mùa đông ? Mùa đông về thì có ăn nhập gì với câu chuyện tôi sắp kể ? Có ăn nhập gì với cái giọt nước mắt đầu tiên của tôi, nếu không phải là do một liên tưởng lãng-mạn ?

Tôi vừa thấy một người con gái áo nâu ôm một bó rơm, đi qua ngoài hàng rào.

Cái hình giáng ấy bỗng dựng gờ trong thần trí tôi một hình ảnh cũng như thế, nhưng rất xa-xôi, cả về thời gian và không gian.

Tôi lại trông thấy một người con gái áo nâu, người con gái áo nâu ấy đi tới trước mặt tôi, nàng mỉm cười. Nàng nói. Nàng nói mà tai tôi không nghe thấy tiếng nói. Nhưng trong lòng tôi bỗng vang lên một âm thanh êm ái.

Cái hình ảnh ấy đứng im một lúc, rồi lảng ra xa trong bóng hoàng hôn đang xuống, rồi nhập vào bóng-giáng người con gái áo nâu ôm rơm đi vào trong ngõ. Rồi người con gái áo nâu ôm rơm nhập vào bóng hoàng-hôn.

Tôi lại thấy, - ô lạ ! - giải ra trước mắt tôi một cái ổ rơm rất dày và rất dài, trong một gian nhà nhà quê rất rộng, và một đống lửa, ngọn lửa ngùn ngụt soi tỏ gian nhà, soi tỏ những cái mặt người nằm sóng hàng trên ổ, cái đỏ rực, cái mờ mờ, chập chờn trong ánh lửa chập chờn. Tôi lại nhìn thấy cái mặt tôi, bên những cái mặt sung sướng một cách hiền lành ấy. Cái mặt của cái Tôi hai mươi năm trước.

Hai mươi năm trước, một chiều mùa đông, một người con gái áo nâu đã đi qua đời tôi, như buổi chiều hôm nay.

Ánh nắng nhợt nhạt của một mặt trời vàng vọt như cái mặt người ốm dọa hấp hối trên cánh đồng lúa gặt giờ. Con đường sắt song-song chạy dài, vô tận. Xa xa, mấy đọt cầu sắt nằm vắt ngang một con sông không một bóng thuyền trôi.

Cái trống rỗng, gây nên bởi một cánh đồng vắng người, gieo mối lo ngại vào lòng một người con trai mười lăm tuổi, đang bước những bước vội vàng trên những phiến gỗ vắt ngang hai giòong đường xe lửa.

Người con trai ấy là tôi. Tôi, hai mươi năm trước đây, một buổi chiều mùa đông.

Nhưng, chiều đông ấy, tôi đi đâu, làm gì, mà đi một mình trên con đường sắt vắng tanh, giữa cánh đồng vắng ngắt ấy ?

Tôi còn nhớ, như trông thấy hiện ra và hoạt động trước mắt, người con trai là tôi kia, bước thấp bước cao, lách thếch cặp một cái cặp da đã tàng.

Tất cả hành lý của hắn, của tôi đấy. Nhưng hắn đi đâu? Nhưng tôi đi đâu ?

Xin thưa : Tôi đi giang hồ mà !

Thì đã bảo, số tôi là «số giang hồ», cho nên giữa cái tuổi mà tất cả những người con trai sống những cuộc đời khuôn khổ, giờ ấy sắp sửa nấp dưới ánh đèn của gia-đình, tôi lại thui-thủi một mình đi trên quãng đường hiu quạnh ấy.

Tôi không nói ra đây làm chi những việc xảy ra dưới cái mái nhà êm ấm bên bờ con sông Lô, tôi không kể những lý do đã khiến tôi bỏ tỉnh Việt-Trì, hồi ấy. Người nhà tôi không phải với tôi ư ? Cái không khí gia-đình khó thở ư ? Không. Cái nguyên nhân chính của sự bắt đầu ném một con người vào một cuộc đời chông chênh ấy, nó ở ngay trong mắt tôi, trong tai tôi, trong máu huyết tôi.

Mắt tôi là mắt của một kẻ không thể nhìn mãi được những hình-ảnh quen thuộc. Tai tôi không thể nghe mãi một vài thứ tiếng cứ nói lại mãi. Máu tôi là máu một kẻ mà trên sổ Thiên-Tào, sau chữ mấy tên họ, đã chua một chữ : «ĐI».

Tôi đi, từ Việt-Trì về Hà Nội, đi bộ. Bởi một lẽ rất giản dị tôi không có tiền.

Tuy vậy, tuy trong túi tôi không có một xu nào, nhưng trong óc, trong tim, trong gan ruột tôi, có nhiều lắm. Có cái hăm hở của tuổi trẻ, có cái quả quyết của kẻ đi chinh

phục cuộc đời tự lập, có cái lòng muốn của một người, - dù chưa thành người hẳn - nhất định làm người.

Nhưng, từng ấy cái có, không đủ để lấp cái không có trong dạ dày, mà mấy mươi cây số cuộc bộ, mỗi lúc một mở rộng thêm mãi ra.

Khi trong ta đã là trống rỗng, đã là hiu quạnh, ta nhìn cái gì chẳng là trống rỗng, chẳng là hiu-quạnh. Huống chi con đường ấy, cánh đồng ấy, những ngọn đồi lác đác, những lùm cây thưa-thớt xa xa ấy, tự nó đã trống-rỗng, đã hiu quạnh rồi.

Không một làn khói. Không một bóng nhà. Loài người, hình như đã bị một tai-nạn gì của thiên nhiên, xua giạt đi đâu mất.

Thực ra, đây chỉ là cái bộ mặt của chiều đông, trông qua cái đói và cái mệt-mỏi của một cậu con trai chưa ra khỏi quê hương lần nào. Chứ dấu vết của nhân loại, của văn minh, đầy rẫy xung quanh : con đường sắt đang đưa tới một ga nào đó ; những cột giầy thép mang những nùm sứ, đang kêu o-o trong gió chiều : những thửa ruộng mới gặt, gốc rạ còn tươi. Và xa xa, những giải tre dài vẽ lên chân trời những vệt xanh đen : làng mạc người ta ở đó.

Nhưng giá có biết thế, giá tôi có biết rằng cách đó không xa lắm, mà dù có xa nữa, thì đi mãi cũng đến, có làng mạc, có nhà cửa, cái trống rỗng quanh tôi cũng vẫn thế. Vì, làng mạc là làng-mạc người ta, nhà cửa là nhà cửa người ta. Ai đã có khi nào, một buổi hoàng hôn, lạc bước tới một nơi xa vắng nào đó, mới hiểu thế nào là một cái cổng ngõ thâm-nghiêm, mới biết thế nào là sự ngăn cách giữa cái ấm cúng dưới mái nhà người ta với cái vắng lạnh ở quanh mình và trong lòng mình.

Buổi hoàng-hôn ấy, đứng trên cái cầu sắt bắc ngang con sông, không biết là sông gì, tôi có cái cảm tưởng là mình bị gạt bỏ ra ngoài giòong sống của nhân loại

Tôi dựa thành cầu, trông xuống giòong sông chảy, triền miên chảy. Chỉ nhìn mặt nước, tôi thấy tất cả cái lạnh tê của nước.

Mà trời thì cứ sẫm dần, sẫm dần. Mặt trời đi mất lúc nào, không biết. Mà nó lặn ở chỗ nào, tôi cũng không hay.

Lúc ấy, tôi thật là mất cả phương hướng mất tự trong lòng mà mà mất đi. Cảnh vật biến thành ra một hình tròn, chu vi ở tí tận sa-mù, đang xoay lộn quanh tôi. Đi đâu ? Về đâu ? Ở đâu ?

Những câu hỏi ấy nhảy múa trong đầu tôi, hiện lên thành những con múa rối ở trong óc tôi, chúng nhảy huyên thiên, đưa thì kêu đói, đưa kêu mệt, đưa thì lắc cái bộ mặt ngơ ngác, hãi hùng.

Tôi ngồi bệt xuống bên cầu.

Thì, trong chỗ vắng tanh vắng ngắt, cách đoạn với loài người, cái cầu sắt này, tôi dựa lưng vào nó vì nó là mốc cuối cùng cho tôi dựa vào với loài người.

Trời ơi, lúc này thì một dùm lửa trong một xó bếp là cả một thiên đường cho tôi.

Tôi đang lim dim đôi mắt trong một tâm trạng hoang-mang, không biết nên thức hay nên ngủ, thì nghe có tiếng động nhẹ trên cầu sắt.

Tôi bằng đôi mắt, nhìn theo chiều dọc của chiếc cầu. Tôi thấy một người con gái, một người con gái mặt áo nâu cấp một cái gì như cái thùng đi tới chỗ tôi ngồi.

Tự nhiên, tôi đứng phắt ngay giây. Và lòng mừng rỡ vô cùng. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao mà mừng rỡ.

Có lẽ vì bấy giờ, một cái mặt người, dù là người không quen, cũng là một cái biểu-hiện của sự sống mà tôi đang mơ hồ lo hãi rằng nó sắp rời-bỏ tôi mà đi, rằng

không bao giờ tôi gặp nó nữa.

Tôi muốn chạy sầm lại phía nàng, nhưng tôi cũng không biết tại sao lòng tôi muốn thế, mà một cái gì giữ chặt hai chân tôi, tựa như bị tán vào mặt cầu.

Người con gái, trạc mười lăm, mười sáu tuổi, đã đi gần tới chỗ tôi đứng. Tôi trông thấy rõ cái khuôn mặt xinh xắn, cái khổ người then-nhỏ, với cái giáng đi gọn gàng, nhanh nhẹn của nàng.

Nàng vừa bước đến gần tôi, vừa giương mắt nhìn tôi với bộ rất ngạc nhiên.

Tôi, tôi cũng rất ngạc nhiên.

Không biết nàng nhìn thấy tôi, nàng nhìn thấy cái cặp da của tôi mắc trên thành cầu, - nàng nhìn kỹ cái cặp ấy lắm - nàng nghĩ những gì ? Có lẽ nàng lạ lắm. Vì trông cái vẻ mặt nàng, tôi có cái cảm tưởng rằng lần thứ nhất, nàng trông thấy một người con trai như tôi.

Tôi thì tôi ngạc nhiên vì không biết người con gái này ở đâu mà đến ? - cánh đồng rất rộng, rất vắng - và đi đâu ?

Hay là, hay là một... con ma ? Một con yêu-tinh như trong những truyện hoang đường ?

Tôi hơi sờ sợ, khi thấy nàng dừng lại trước mắt tôi và nhìn tôi. Và môi nàng lại hơi mấp máy nữa.

Này nó chồm lên, này nó vồ ! Này nó sắp nhe nanh vuốt cẩu xé mình như con lang trong truyện «Cô bé quàng khăn đỏ». Tôi đứng nhìn hai bên, tìm lối chạy.

Kỳ thay là cái cảm tưởng của tôi lúc bấy giờ. Thứ nhất lại là cái cảm tưởng của tôi khi gặp gỡ một người mà đến nay, phần từ thể kỷ đã qua, tôi còn nhớ như in giáng đi, tiếng nói, câu cười.

Nhưng, bấy giờ, dường không quăng văng, mà phải nói rằng tứ cố vô thân.

Thế còn cái cảm tưởng của nàng ? Có lẽ lúc ấy, nàng cũng sợ tôi, vì tôi thấy nàng quay đi, rồi rảo bước.

Lúc ấy, tôi mới nhìn theo nàng, và nhìn cái thúng nàng cắp. Tôi thấy cái thúng nàng cắp ấy là một thúng thóc lấm đất. Và tôi lại thấy ở bên mép thúng, một miếng cơm nắm vừa vàng vừa đỏ trên một mảnh lá chuối khô.

À, trong thúng nàng có cơm !

Tự nhiên, tôi cất tiếng gọi :

- Này cô !

Người con gái quay đầu lại, rồi lại quay đầu đi, chân vẫn bước.

Tôi bước theo :

- Cô ! Cô cho tôi... nhờ tí !

Người con gái dừng bước, nhìn lại, vẻ mặt băn khoăn:

- Bác... gì ?

Tôi giờ tay chỉ vào thúng :

- Cô làm ơn bán cho tôi chỗ cơm nắm kia.

- ?!

Tôi gật đầu :

- Vâng, cô bán cho tôi.

Tôi nhớ mãi cái vẻ mặt ngơ ngác, với cái giọng nói ngớ ngẩn :

- Bác mua cơm... làm gì ?

Tự dưng, tôi thấy buồn cười :

- Tôi mua để ăn, chứ còn làm gì ! Đi, cô bán cho tôi đi.

Người con gái, từ nãy, vẫn vừa nói, vừa thỉnh thoảng bước một bước, bây giờ mới đứng hẳn lại :

- Thế bác đói lắm hay sao ?

- Vâng. Đi, cô bán cho tôi đi. Từ sáng đến giờ, tôi chưa có một hột cơm nào vào trong bụng.

Người con gái ngần ngừ một tí, rồi cầm nắm cơm lên tay. Một tia mừng vui phát ra ở mắt tôi. Người con gái như nhìn thấy, nên nàng sắp đưa nắm cơm, lại ngừng tay.

- Cô bán cho tôi đi.

Tôi giục. Và tôi thọc tay vào túi. Nhưng, tôi thọc tay vào túi, để rồi tôi giật mình đánh thót một cái. Làm gì có tiền mà bán, mà mua ?

Người con gái giờ nắm cơm cho tôi. Đáp lại cái cử chỉ ấy, tôi chỉ việc đưa tay, cầm lấy nắm cơm. Nhưng, tôi không đưa tay, tôi không cầm nắm cơm. Vì lấy gì đưa lại ?

Người con gái lên tiếng :

- Đây, bác cầm lấy.

Thế này mới nguy chứ ! Làm thế nào cho «trôi» cái nắm com này ? Nghĩa là làm thế nào cho cái nắm com, mà phải bao nhiêu cố gắng, tôi mới bắt tôi tìm cách làm cho nó từ thúng lên tay nằng để sang tay tôi, lại giờ về nằm trong thúng của nằng ?

Tôi thấy hai tai tôi nóng bừng lên, mặt tôi nóng bừng lên. Mà mặt tôi, lúc ấy, chắc là phải trắng lăm.

Tình thế lúc ấy thật là cheo leo. Người con gái thì cứ khư khư nắm com ở trong tay, tôi thì đứng ngây ra, mặt đỏ tía tai.

Mãi sau, tôi mới ấp úng «giận» ra được mấy tiếng :

- Thôi, tôi không mua nữa.

Người con gái ngơ ngác

- O... sao lại không mua nữa ?

- Tôi không mua nữa vì.. tôi không muốn ăn nữa.

Người con gái nhìn tôi như nhìn một vật gì kỳ-dị :

- Sao bác bảo bác đói từ sáng đến giờ mà bác lại không muốn ăn nữa ?

Tôi nín lặng một khắc rồi vùng nói trắng cái lý do vì sao tôi muốn mua mà lại không mua :

- Vì tôi không có tiền.

Không chút ngần ngại, người con gái trao ngay nắm cơm cho tôi :

- Tôi cho bác đấy.

Nàng cho tôi nắm cơm ? Nàng cho tôi ? Hai tai tôi đã nóng, lại nóng thêm. Tôi thấy một cái gì như cái nhục đè úp lên đầu tôi. Và xen vào một cảm kích làm cho lòng tôi nao lên.

Tôi mím môi, nhịn thở một lúc, rồi bật ra :

- Tôi không lấy !

Nói xong câu ấy, tôi thấy tôi sỗ-sàng đối với người đã có lòng tốt với mình. Tôi thêm :

- Cám ơn cô, cô có lòng tốt. Nhưng tôi...

Tôi ấp úng, rồi im, vì tôi không thể không dám, và không nỡ nói cái lẽ tại sao tôi không nhận nắm cơm bố thí ấy.

Người con gái lại nói, giọng rất ngọt-ngào :

- Thì bác không tiền, nhưng tôi cho bác, bác cứ cầm lấy mà ăn, có được không ?

Tôi lại từ chối :

- Thôi, cảm ơn cô !

Người con gái nhìn tôi bằng một cái nhìn... bằng một cái nhìn... tôi không biết nói là bằng một cái nhìn thế nào, nhưng tôi nhớ rằng trong cái nhìn của nàng bây giờ có một cái gì như tha thiết, như van lơn. Và tôi nhớ nhất là cái giọng nàng nói với tôi lúc ấy :

- Sao lại thế ?

Trời ơi ! Trong cái giọng nói của nàng bây giờ, thật là biết bao nhiêu êm-dịu, bao nhiêu thấm thía. Thế mà, đáp lại ngân ấy thứ, tôi lắc đầu !

Tôi lắc đầu, tôi từ chối nắm cơm, tôi từ chối cái từ-tâm của người con gái trẻ-trung và hiền-hậu ấy, chỉ vì nàng không bọc nắm cơm đưa cho tôi trong một câu nói :

- Tôi biếu bác.

Tôi biếu bác, với tôi cho bác, thì có khác gì ? Năm cơm vẫn là năm cơm và cái lòng thương người của nàng có hơn lên kém đi đâu ?

Chẳng qua những thành kiến của xã hội, những cái gì không phải là tôi - cái tôi nguyên chất của tuổi trẻ đã len vào trong lòng làm mất cả chân bản sắc của một người con trai mười lăm tuổi.

Người con gái lại nói :

- Bác cầm lấy đi. Tôi đã bảo tới cho bác, tôi cho bác thật mà !

Thì tôi biết lắm, tôi biết rằng nàng cho tôi thật. Nhưng chính vì biết thế, mà tôi càng không lấy :

- Thôi, cô cất năm cơm đi, cảm ơn cô.

Người con gái lại nhìn tôi, và lần này thì tôi nhận rõ cái nhìn đầy ngao ngán và gần như trách móc.

Rồi bỗng nàng đặt năm cơm lên chiếc lá chuối, rồi nàng túm lấy cả lá chuối lẫn năm cơm, rồi nàng cúi xuống, đặt tất cả xuống mặt cầu.

Và bằng một giọng quả quyết :

- Không, tôi cho bác thật đấy. Tôi cứ để đấy, bác ăn thì ăn, không ăn thì tôi cũng cứ để đấy.

Người con gái nói rồi quay đi. Nàng bước vội, hình như sợ tôi theo giả lại nắm cơm.

Tôi đứng ngây ra, nhìn theo nàng, lòng bồi hồi cảm động,

Sao lại có người có người tốt bụng như thế ? Tôi biết lấy gì để giả lại cái ơn này ?

Tiền, tôi không có. Lấy gì, lấy gì giả ơn nàng ?

Tôi nhìn nắm cơm, rồi tôi nhìn cái bóng giáng thon xinh đang bước xuống cái lối dốc bên đầu cầu. Tôi thấy lòng tôi xao động một cái gì như nhớ tiếc.

Bỗng một ý nghĩ vụt qua thần trí tôi. Tức thì, tôi vội lấy chiếc cặp da. Tôi mở cặp, lấy quyển album, hay nói cho đúng quyển carnet dày trong đó tôi dán rất nhiều ảnh chè và «các bột tan».

Tôi chạy phăm phăm xuống lối dốc, miệng gọi :

- Này cô, này cô ! khoan đã cô !

Người con gái nghe tiếng gọi dừng lại. Tôi vừa thở, vừa chìa quyển carnet :

- Cô có lòng tốt, tôi biếu cô quyển này.

Vừa nói, tôi vừa bỏ tọt quyển carnet vào thúng.

Rồi tôi quay lại, đi ngược lên cầu. Nhưng được mười bước, tôi thấy người con gái chạy theo tôi. Nàng đưa giả tôi quyển carnet :

- Không, tôi không lấy của bác đâu. Ai lại lấy của bác thế.

- Không, tôi biếu cô mà !

- Không, tôi không lấy.

Nàng vừa nói, vừa chìa quyển carnet trước ngực tôi.

Tôi giờ tay xua xua :

- Tôi đã nói rằng tôi biếu cô mà, cô cầm lấy cho tôi bằng lòng.

Người con gái cứ lắc đầu quây quây :

- Không. Thế ra tôi đòi com lấy sách của bác à ? Không, tôi cho bác nắm com để bác ăn cho đỡ đói, chứ tôi lấy sách của bác làm gì ?

Tôi lắc đầu, dơ tay chỉ quyển carnet :

- Không phải sách đâu. Đây là quyển album, có nhiều ảnh, đẹp lắm cơ.

- Không, tôi không lấy.

Nàng khẳng khẳng nói thế, và thừa lúc tôi chìa tay ra chỉ vào quyển carnet, nàng dúm ngay nó vào tay tôi.

Chẳng biết tại sao tôi lại cầm lấy. Có lẽ đó là một cử chỉ tự nhiên của bản-thể. Và có lẽ tôi không muốn để rơi quyển carnet xuống đất, vì tôi biết chắc-chắn rằng nếu tôi không cầm thì thế nào nàng cũng bỏ rơi khỏi tay quyển carnet.

Thế rồi, nàng ù té chạy.

Tôi cũng lại chạy theo. Lúc nàng cúi bụng thúng thóc là tôi đã đến sát sau lưng nàng. Nàng chưa kịp đứng lên, tôi đã bỏ tọt ngay quyển carnet vào trong thúng.

- Ô hay, cái bác này !

Tôi nhìn nàng, khăn khăn, van lơn :

- Tôi xin cô cầm lấy, cho tôi bằng lòng. Nếu cô không nhận, tôi cũng nhất định không ăn nắm cơm kia đâu.

Chắc rằng cái giọng nói của tôi với cái nhìn của tôi lúc ấy, nói nhiều lắm, cho nên nàng đứng yên, ngần

ngừ...

Tôi lại tiếp :

- Tôi không may lỡ độ đường, được cô có lòng thương cho nắm cơm, nhưng dù đói, tôi cũng không dám ăn đâu, nếu cô nhất định không nhận quyền vở ảnh tôi biếu cô đây. Xin cô nhận lấy, cho tôi được yên lòng.

Người con gái vừa ngẫm nghĩ vừa nhìn kỹ tôi một lúc lâu, rồi thông thả :

- Thế bác đi đâu mà bây giờ chưa về nhà ?

Tôi buồn rầu đáp :

- Nhà tôi ấy à ? Tôi không có nhà, cô ạ !

Người con gái ngạc nhiên :

- Thế bác ở đâu ?

Tôi lắc đầu, làm ra ngao ngán. Mà thực ra, tôi cũng ngao-ngán lắm :

- Tôi chẳng ở đâu cả !

Người con gái như không hiểu lời tôi nói. Mà nàng không hiểu là phải. Người ta ai cũng có nhà chứ ? Không có nhà, thì ở vào đâu ?

Nàng có hiểu đâu rằng, từ sáng hôm ấy, khi tôi rón-rén khép đôi cánh cửa sau nhà tôi lại, tôi đã khép luôn cả cái cánh cửa gia-đình tôi, khép luôn cả tấm lòng của những người thân tôi. Từ đấy, gia-đình tôi, người thân tôi, không nhận tôi nữa. Mà tôi, tôi cũng không nhận gia-đình, không nhận người thân nữa.

- Thế bác đi đâu ?

Tôi giơ tay chỉ theo con đường sắt :

- Tôi đi về Hà Nội.

Người con gái dương to mắt :

- Về Hà-Nội ?

Tôi gật đầu.

Nàng lẩm bẩm, nửa như nói với tôi, nửa như nói với mình :

- Về Hà-Nội à ? thế thì xa lắm !

Tôi gật :

- Phải, còn xa lắm.

Người con gái nhìn theo ngón tay tôi, mặt băng-khuâng :

- Thế bác đi bộ à ? Đi bộ thì bao giờ đến nơi được ?

Tôi cũng nhìn theo ngón tay tôi, nhìn theo hướng nàng nhìn, nhìn theo con đường sắt song song chạy dài, vô tận. Rồi tôi đáp, băng khuâng :

- Đi mãi cũng phải đến nơi chứ !

Bỗng người con gái như bằng tỉnh, sau một cơn mơ lặng :

- Thế đêm hôm nay, bác ngủ ở đâu ?

Câu ấy làm cho tôi giật mình.

Từ nãy đến giờ, mãi nói chuyện với người con gái, tôi quên phứt đi mất rằng mặt trời thôi soi trên cảnh vật đã lâu rồi. Và hoàng hôn. Và trời sắp tối. Và đêm. Và tôi sẽ trơ-vơ trong khuya âm-thầm, trong khuya bất-chắc.

Câu nói của người con gái kéo tôi trở về với sự thực, và nhắc luôn cho tôi một sự thực nữa : Nàng sẽ về nhà nàng.

Người con gái về nhà người con gái, vì người con gái có nhà. Tôi, tôi không có nhà, tôi không về đâu cả. Tôi biết về đâu ?

Lần thứ hai, nàng lại nhắc lại câu hỏi :

- Thế đêm hôm nay, bác ngủ ở đâu ?

Tôi ngủ ở đâu ? Ừ tôi ngủ ở đâu nhỉ ? Trong một chớp mắt, tôi thấy tất cả cái vắng lạnh đáng sợ của đêm trường, tất cả cái trơ trọi, hãi hùng của tôi.

Bỗng dưng, tôi thở dài :

-Thưa cô, tôi cũng không biết nữa.

Người con gái nhìn tôi bằng một cái nhìn mà tôi phải nói là kinh hoàng, kinh hoàng cho tôi :

- Thế thì làm thế nào được ?

Thì còn làm thế nào được. Tôi chẳng biết giả nhời ra làm sao, với nàng. Vì chính với tôi, tôi cũng chưa tìm ra câu giả nhời.

Thấy tôi đứng im, nàng hiểu. Nàng hiểu cái băn khoăn lo lắng của một kẻ không chỗ trú-thân, trong khi bóng đêm sắp xuống.

Nàng cứ đứng ngây người ra, mặt cũng đầy nỗi băn khoăn, lo-lắng, như chính nàng cũng không có chỗ ngủ đêm. Có lẽ nàng linh-cảm thấy tất cả nỗi đáng sợ của kẻ không có một mái nhà, không có một cái gì che chở.

Thấy thế, tôi bỗng ái-ngại cho cái bản khoăn lo-lắng của nàng, vì tôi mà bản-khoăn, lo lắng. Tôi liền dơ tay trở về phía cầu sắt :

- Tôi ngủ trên cầu vậy !

Tôi thấy nàng lặng đưa đôi mắt ngó cái cầu sạm-sịt vắt trơ vơ ngay hai bờ sông đìu hiu. Tôi thấy nàng đứng bản thân một lúc lâu, và nghe rõ tiếng nàng lẩm bẩm :

- Ngủ trên cầu ! Ngủ trên cầu...

Trong câu nói thốt ra của người con gái, tôi nhận thấy hàm chứa vô ngần thương cảm.

Nàng tội nghiệp cho tôi lắm, cứ trông con mắt của nàng đủ hiểu. Con mắt ấy phảng-phất một mối từ-tâm, cái từ tâm của người chị, của người mẹ.

Rồi nàng mấp máy cặp môi, khẽ nói :

- Hay là...

Nhưng nàng chỉ nói thế thôi. Rồi nàng trông xung-quanh một lượt, rồi tầm mắt nàng chiếu thẳng về một phía.

Ở đấy, thấp thoáng xa xa, dưới những lùm cây gốc lẫn vào nhau trong bóng hoàng hôn, nằm phoir mấy quả

đòi. Tôi thấy nàng sốc lại thúng thốc, đồ chừng nàng sắp bước đi, liền hỏi :

- Cô về đâu ?

Nàng dơ tay chỉ về phía những ngọn đồi :

- Nhà tôi ở đằng kia.

- Có xa không ?

- Xa. Tôi về thì tôi mệt.

Thế mà nàng bảo là xa. Thế còn Hà-Nội, cái nơi đang lên tiếng gọi tôi đi kia, thì xa đến đâu ?

Bấy giờ trong trí tôi nảy ra một ý-nghĩ. Cái ý nghĩ ấy phát-hiện ra thành một lời yêu cầu, nhưng yêu-cầu ngầm trong con mắt, trong cái nhìn tha thiết mà tôi nhìn nàng, chứ không bao giờ bật lên thành tiếng nói :

- Hay là cô cho tôi ngủ nhờ có được không ?

Làm sao, tôi lại không hỏi cô ta câu ấy ? Làm sao cái điều yêu cầu chính đáng của bất cứ ai ở trong trường hợp này, tôi lại ngậm tậm ?

Vì thẹn chăng ? Hay là vì tôi không sợ làm phiền nàng, không muốn lạm-dụng cái lòng tốt của nàng.

Ấy cũng bởi vì trong lòng tôi bấy giờ đã chớm mọc cái mầm quý-mến người con gái tốt người, lại tốt bụng ấy. Và có lẽ tôi muốn giữ nguyên vẹn cái môi thiện-cảm giữa nàng với tôi, nó như một hơi ấm ít gì cũng xua tan một lúc cái vắng lạnh của lòng tôi, cũng như sự có mặt của nàng đã đun xa tôi cái vắng lạnh của cảnh vật.

Nhưng mà, số mệnh đã gieo xuống rồi. Nàng đã nói với tôi cái lời mà tôi sợ từ lúc nãy :

- Thôi, bác nghỉ, tôi phải về đây.

Miệng nói, là chân đi ngay. Người nàng hơi nghiêng về một bên, dưới cái sức nặng của thúng lúa. Cái đầu bịt chiếc khăn vuông vải chéo go của nàng cúi xuống, như dưới sức nặng của một ý-tưởng có lẽ đang ngán ngẫm trong nàng, nhưng chắc chắn là đáng buồn cho tôi: Nàng về nhà nàng.

Chao ôi ! Làm sao được ! Nàng về nhà nàng, vì nàng phải về nhà nàng. Còn tôi ? Tôi với nàng, không họ hàng, không thân thích, không quen thuộc, gặp nàng trong khoảnh khắc, thì... làm sao được ?

Nàng về nhà nàng, tôi về... tôi về đâu ? Đến phân chia đôi đường, mà cũng không đều !

Tôi đứng nhìn theo cái bóng giáng người con gái áo nâu, lúi thủi bước trên con đường đất đỏ. Cái bóng giáng ấy đi, mang theo đi cả cái ảm đạm mà nàng vừa đem tới cho tôi trong cái buổi chiều đông lạnh buồn này.

Người con gái đi được chừng dăm chục bước, liền quay đầu lại nhìn lên cầu.

Không thấy gì - tôi đã lên cầu đâu - nàng lại nhìn xuống chỗ hai người nói chuyện lúc nãy.

Hình như nàng có một vẻ mặt rầu rầu. Rồi hình như trên cái mặt rầu rầu ấy, nở một nụ cười, một nụ cười gượng.

Người con gái áo nâu đã đi mất rồi.

Tôi cảm thấy tôi muốn khóc. Chẳng biết tại sao.

Có lẽ vì bóng hoàng hôn đã tắt rồi, bóng đêm đã xuống rồi. Có lẽ vì cái thành cầu sắt tôi tựa, nó rắn đanh, nó rắn chắc, nó thâm, nó tàn nhẫn, nó xiết vào lưng tôi, trong cái buổi bắt đầu bước đường lang-bạt. Có lẽ vì những cái gì còn lại cho tôi bây giờ, chỉ là thê lương chỉ là trống rỗng, sánh với những cái đã mất đi.

Nhưng, cái gì đã mất đi. Nào tôi biết nữa ! Tôi chỉ biết rằng người con gái áo nâu kia, đến với tôi chiều hôm ấy, đã đem đến cho lòng tôi một chút hơi ấm một chút tươi sáng, trong lúc tất cả quanh và trong tôi, đều là lạnh lẽo, ử-ê. Cái hơi ấm, cái tươi sáng ấy thấm vào lòng tôi như một bàn tay êm ái vô hình, xoa dịu những nỗi tê tái đang bắt đầu chớm mọc.

Bây giờ, bàn tay em-ái vô hình ấy đã rút khỏi thâm-tâm tôi rồi. Chỉ còn lại một chút dư vị băng-khuâng, ngùi ngùi, nó làm cho mắt mờ đi, trông bóng tối, tối thêm.

Không còn trông thấy gì nữa rồi. Bốn mặt, đều là bóng tối. Cả tôi nữa, tôi cảm thấy thế, tôi cảm thấy tôi cũng là một cái bóng tối nữa, đặc hơn, dày hơn.

Gió đêm, từng cơn, thổi u u dưới gậm cầu, thổi ào ạt qua cánh đồng, trên giòng sông. Lạnh. Tôi thấy lạnh ở lưng, ở gáy, ở cổ, mặt, ở tứ chi.

A, ra cái mái nhà cần cho con người thật, lúc này tôi mới hiểu như thế. Cái mái nhà cần cho con người, mặc dầu dưới mái nhà ấy, bao nhiêu là những cái không hợp nhau, không dung được nhau, hục-hặc với nhau.

Những cảm-tưởng ngao ngán ấy chạy qua hồn tôi, làm cho tôi vừa nhớ nhà, lại vừa khó chịu khi thấy rằng mình để cho sự nhớ nhà đến làm rộn lòng thêm giữa lúc không có quyền được rộn lòng.

Lúc này, là lúc tôi phải đem hết những năng lực phấn đấu trong người tôi đối phó với những bất-ngờ của số-kiếp. Nghĩa là nói nôm là tôi phải bạo dạn. Nghĩa là tôi không được sợ.

Tôi biết thế, tôi cố để làm được thế, nhưng mà tôi vẫn sợ.

Thì làm thế nào được ! Với cái tuổi mười lăm của tôi, cái tuổi con trẻ, kẻ khác, giờ này ru-rú ở xó nhà, có ra sân đi tiểu cũng còn phải có người cầm đèn đưa giắt, mà tôi thì ngồi lo-so ở trên một dịp cầu sắt chông-chênh, giữa chốn không một linh-hồn sinh hoạt nào. Lại thêm luồng gió đông, luôn luôn hú lên những tiếng u-u dưới gập cầu, những tiếng ỳ-ọp trên giòong nước, tựa hồ muôn nghìn ma quỷ vừa kêu vừa rợn.

Mà đêm thì mỗi lúc một thêm lạnh, một thêm vắng, một ghê rợn hơn lên.

Tôi ngồi bó gối, phó mặc lưng cho thành cầu sắt che chở, khư khư thu hình lại như để đối phó với những cái

nguy cơ, những kẻ thù vô hình, từ ba phía sắp kéo đến; trước mặt, bên phải, bên trái.

Mắt tôi tôi luôn luôn mở to nhìn thẳng ra phía trước, tuy phía ấy, cũng như những phía khác, mù mịt chẳng có gì.

Có lúc tôi thấy chông-chống bên tay phải, dưới nách. Có lúc, tôi thấy sườn bên trái như vừa bị một bàn tay nào khê luồn vào, những ngón tay lông lá lướt trên da thịt.

Tôi rúm người lại, sợ đến cả hơi thở của chính mình. Tôi không dám cự mình, vì tưởng như chỉ hơi động đây một chút là bị bỏ cơ, những nguy-hiểm sẽ hiện lên thành hình ma bóng quỷ, chồm ngay tới.

Tôi ngồi lặng như thế, không biết đến mấy giờ đồng hồ nghe như lâu lắm thì phải. Mà lạ, trái với mọi khi, hễ chập tối là buồn ngủ, lúc ấy hai mắt tôi cứ chong lên.

Tôi bắt đầu ngẫm nghĩ nhiều về sự tôi bỏ nhà ra đi. Tôi chớm có cái ý nghĩ rằng ra đi như thế là đi liều.

Không có một đồng xu, không một người quen biết đưa đường chỉ nẻo, với tất cả hành-lý là một chiếc va ly tàng với tất cả vốn liếng là một tấm lòng bở ngỡ, tôi đi, chinh phục cuộc đời !

À ! Tôi bắt đầu thấy rằng tôi làm bậy. Kẻ nào làm bậy, sẽ gặp sự không may. Một tiếng nói bí mật nhủ thầm tôi như thế.

Làm bậy, tức làm lỗi. Mà tội lỗi nào mà không có trừng phạt.

Nghĩ đến sự trừng phạt sắp tới, sẽ tới, mà chẳng biết tới như thế nào, tôi bỗng rùng mình.

Tôi bắt đầu hối hận.

Giá tôi không bỏ nhà ra đi ! Thì giờ này tôi đã chễm-chệ trong buồng học, mà có lẽ tôi đã nằm êm trong cái tổ chăn ấm áp biết bao.

À, ra tôi đã dại dột mà bỏ nhà ra đi. Lúc ấy thì giá bị mắng, bị đánh, bị hành-hạ đủ thứ đi nữa, mà nếu cái nhà của tôi ở bên kia cầu, thì không ngần ngại, tôi đứng phát ngay giậy, nhảy tót sang, đâm bổ ngay vào trong cửa.

Ấy, cái hối của con người ta thường đến liền với cái khổ. Mà tất cả tội lỗi của ta đều có cái khổ theo liền.

Nhưng, ý nghĩ ấy chỉ đến với tôi trong một thoáng mà thôi. Tâm-trí tôi lại quật khởi lên, tôi lại thấy rằng sự đi như thế là vô tội, là phải, là cần.

Tôi lại cứng người lên, đương đầu với bóng tối với

gió, với rét, với những cái quỷ quái gì gì ghê gớm lắm.

Nhưng, hỡi ôi ! Cái cứng người của tôi ấy, chỉ một tiếng còi thét lên từ đằng xa đủ làm cho nhũn ra, bao nhiêu ý chí quật khởi của tôi tan-bạt đi mất hết.

Một đoàn xe lửa rầm rầm phóng tới. Tôi sợ quá, đứng phắt ngay giây, co chân chạy.

Nhưng, chỉ được mười bước, tôi bỗng chết đứng ngay trên gập cầu. Đoàn xe lửa đêm sầm sầm chạy trên sàn sắt. Hai con mắt lửa lừ-lừ xông tới, làm cho tôi táng-đờm.

May sao, cái bản-năng tự vệ còn thoi-thóp trong tôi vùng giây, khiến tôi nhảy tránh sang bên, nép mình vào bao-lon cầu.

Đoàn xe lửa rầm-rập chạy qua. Từng khung sáng dài lướt trên sàn cầu. Tôi cứ dán sát lưng vào thành cầu, hết sức ngửa người ra phía ngoài, cả cơ thể bị xâm chiếm bởi một cảm-giác : đoàn xe lửa đổ lật, đè tôi chết dí.

May sao, đoàn xe không đổ lật. Và trong lúc hãi hùng đó, tôi còn đủ linh-tính để thoáng thấy, trong cái khung sáng lướt trên mặt cầu, bóng những hành khách đi trên tàu trôi qua. Và, trên những toa, sáng trưng những người hành khách ấy.

Những người hành-khách trên tàu họ đi đâu ? Chắc họ sắp xuống những ga, sắp về dưới những mái nhà ẩm áp.

Tôi đứng lặng một lúc, rồi tôi lại ngủ ngùi.

Tôi cũng có nhà kia mà ? Sao lúc này, tôi lại bơ-vơ giữa chốn hiểm-nghèo này ?

Tôi lần bước giở về chỗ cũ. Tôi phải tìm cho ra chiếc cặp da mới được. Tất cả hành trang của kẻ vỡ lòng giang hồ đây. Mất nó thì rầy rà to.

A, nó đây rồi. Tôi dờ tay lên bao-lon, chạm phải lườn da nhóp nhép. Tôi đặt bàn tay trườ mền lên cái mặt da còn giữ bao nhiêu kỷ niệm của những buổi đi về, mồ hôi bết tay đó.

Lúc ấy, cái cặp da của tôi như có một tấm linh-hồn, cái linh-hồn ấy đồng dặc lên tiếng :

- Đây, anh xem, ta vẫn trung-thành với anh, ta có trốn chạy như anh đâu ? Nếu ta cũng nhút nhát như anh, anh đã mất ta rồi. Phải can-đảm lên chứ.

Tôi lại can đảm. Tôi lại ngồi xuống sàncầu, với một ý-định cương-quyết : Không sợ

Nhưng cái gì thấp thoáng, lập lờ xa xa như thế kia ? Tôi lại hồi-hộp.

Phải chăng là một ông thần đồng từ một gò hoang nào đó, vọt lên, đi tuần trong không khí ? Tôi lại thấy rùn cả chân tay.

Cái vùng lửa lập-lờ ấy tiến dần về phía cầu. Tôi kinh hãi khi nhận ra một bó đuốc. Và một lúc, dưới bó đuốc, một cánh tay với một cái mặt người.

Cánh tay cầm bó đuốc, ánh đuốc soi mặt người, một cái mặt chập chờn hình như «ma-quỉ» lắm.

Và sau cái mặt người cầm đuốc ấy, hình như có một cái mặt người nữa. Và có lẽ còn nhiều người nữa.

Thốt nhiên, tôi toát mồ hôi. Tôi vừa nghĩ đến những truyện cướp của, giết người, những tên tướng cướp bạt hồng đi «ăn sương». Chúng không tha ai, có khi đâm chém cả đàn bà, con trẻ.

Mà tôi thì cũng chỉ là một đứa trẻ tôi chống cự sao cho lại được với đoàn người hung dữ ấy ?

Tôi đang thấp thỏm, không biết nên trốn về phương nào, thì đám lửa và người ấy đã tới bên cầu.

Chúng lên cầu.

Tôi cuống lên, run bắn người, úp mặt vào hai cánh tay. Chắc là tôi phải chết ! Mười phần chết !

Trong thâm tâm tôi, vẳng lên một tiếng nói :

- Giờ cuối cùng của mày đã đến rồi hỡi thằng con trai không nghe lời gia đình kia. Mày phải chết !

Tôi bung chặt lấy mặt, bịt luôn cả hơi thở.

Tim tôi đập rộn lên, tưởng chừng nó muốn phá vỡ tung lồng ngực để nhảy vọt ra ngoài chạy trốn.

Tiếng chân người bước rậm rịch tiến lại phía tôi ngồi.

Họ đến gần tôi.

Tôi toan vùng lên chạy, thì họ đã bước sát đến nơi. Họ vây quanh tôi.

Tôi cầm mặt trong lòng bàn tay, chờ chết. Tôi đợi một lưỡi dao, một mũi giáo ! Nhưng, chừng mười cái «tặc-tắc», tôi nghe thấy một giọng nói nhẹ và non trẻ :

- Đây rồi, bác ấy đây rồi, anh a.

Tôi bừng mở mắt, ngơ-ngác nhìn quanh. Rồi tôi đứng phắt ngay giây. Tôi vừa nhận ra, trong ánh lửa đuốc, cái mặt người con gái áo nâu lúc ban chiều.

Giữa phút đột ngột của sự thay đổi cảm giác mau chóng ấy, tôi hoang-mang đứng yên, đưa mắt nhìn người cầm đuốc.

Đây là một người đàn ông trạc ngoài hai mươi, vóc hình vạm vỡ, nhưng nét mặt rất lạnh. Người ấy nhìn tôi, hình như có vẻ thương hại.

Người đàn ông ấy giơ cao cây đuốc như đi soi rõ mặt tôi một khắc, rồi cất tiếng hỏi :

- Nhà cậu này, đi đâu mà ngủ vật, ngủ vạ thế này.

Câu hỏi sống sượng, nhưng cái giọng nói rất ôn tồn. Lại thêm sự có mặt của người con gái đứng bên làm cho tôi vững dạ. Tôi đáp, giọng đường hoàng :

- Tôi đi Hà-nội, lỡ đường, chả biết ngủ đâu, thấy cầu thì ngủ cầu vậy.

Người đàn ông lắc đầu :

- Ngủ trên cầu thì ngủ thế nào được ? Thôi, cậu đi lại đằng nhà tôi mà ngủ ! Ai lại ngủ ngoài sương thế này, nhờ cảm cái thì làm thế nào ?

Nghe nói vậy, tôi mừng rơn, nhưng cũng đáp một câu chiếu-lệ :

- Ngủ một đêm ngoài trời, cũng chả việc gì.

Người đàn ông giơ tay, ống tay áo nâu đã sờn, bạc phéch :

- Đành thế. Nhưng ngủ trong nhà bao giờ chả hơn. Thôi, về ở nhà tôi mà ngủ, ấm hơn.

Thì đành rằng ấm hơn. Đêm đông, ngủ trong nhà ấm hơn ngủ ngoài sương gió, điều ấy, kẻ kém thông minh như tôi cũng biết. Và tôi chỉ đợi câu mời nhắc lại lần thứ hai ấy. Tuy vậy, tôi cũng còn đứng đĩnh, vuốt vuốt chiếc áo ngoài, sửa lại quai mũ «cát-se đông», nắn lại mép cặp, để cho không có vẻ «háu» đi quá.

Sự chậm trễ, sự đứng đĩnh ấy mang ngay đến cho tôi tai-họa. Người đàn ông nói một câu, vừa để giục tôi, vừa để vạch một điều nhận xét rất đúng :

- Với lại ngủ ở ngoài như thế, trộm triếc nó thấy, nó có nằng mặt đồ đạc đi không ?

Hai chữ đồ đạc làm cho tôi sượng cả mặt.

Đồ đạc của tôi ? Thì vền-vện có một cái cặp da, tất cả của cải ở trong là mấy cái quần áo cũ, vài quyển sách đã dùng lâu ngày.

Những lúc này, giá tôi là một chàng phong lưu công-tử, đi du-lịch với cặp sách túi đàn, đề huề giăng gió, qua đây đường tôi, quán xa, đến nghỉ ở một thôn-trang, có phải đẹp-để biết ngàn nào không ?

Ấy, bây giờ tôi nghĩ hèn như thế đấy.

Thì đã bảo, tôi chỉ là một thằng người, một thằng người với tất cả cái cao đẹp, và cùng với tất cả cái tầm thường của nó. Giữa lúc mà một cái may mắn phi thường cứu tôi ra khỏi cái bước hiểm nghèo ấy, tôi vẫn còn đủ thì-giờ để cho cái tự ái nhỏ nhen lên tiếng.

Tuy vậy, tôi cũng không đại dột mà đẩy cái tự ái của tôi đến chỗ từ chối sự mời-mọc vồn-vã của người đàn ông. Và thứ nhất là người con gái lại cất cái tiếng nói êm-dịu, mà tôi nghe đã hồ quen tai :

- Tôi đã nói chuyện bác với ông bà tôi, ông bà tôi bảo ra mời bác về nhà tôi mà ngủ.

Câu nói của nàng có một sức mạnh huyền-bí lạ lùng, khiến tôi tức khắc bước theo hai người. Vừa đi, tôi vừa để ý nhìn người con gái.

Nàng bước ton-ton trong ánh lửa bật-bùng hình như lòng vui lắm.

Chúng tôi bước lên một ngọn đồi. Qua những ngọn cây gần trụ lá, ánh lửa làm nổi bật lên cái màu gio sẫm của một mái gianh phủ trên mấy lớp nhà nằm bọc lấy đỉnh đồi.

Theo lối cây, tôi đi lên tới một cái sân đất, rơm rạ bừa bãi.

Anh lửa và tiếng người làm cho mấy con chó ở trong sân cắn ran lên. Một vài con lợn thức giấc, cũng lên tiếng in-ít trong chuồng.

Trước cửa lớp nhà, tôi thấy lố nhố những người đứng đợi sẵn từ bao giờ. Hình như họ chờ để «nghênh tiếp» tôi.

Tôi ngập ngừng bước, vì cái không khí có vẻ long trọng phủ trên bọn người làm tôi băn khoăn về cái thái độ tôi phải có để ra mắt những người đã xử tử tế với tôi. Và tôi lại cũng ngượng-nghịu trước những con mắt tò-mò, đang nhìn tôi như nhìn một cái gì kỳ lạ.

Đến gần, tôi thấy hai cái đầu bạc vượt lên trên một đám trẻ lố-nhố, tóc trái đào. Hai ông bà già, nét mặt rất hiền-hậu, đứng bên cửa đợi tôi như những ông bà già đợi cháu đi xa về.

Tôi chấp tay vái chào.

Hai cái đầu phơ phơ trắng cùng gật một cách nhân ái.

Rồi ông cụ già lên tiếng trước tiên :

- Thấy cháu về bảo có người học trò đi đường xa, tôi bảo anh nó đem thuốc mời về đây ngủ chơi một đêm.

Tôi chấp tay, cung kính :

- Dạ, không giám. Cháu chẳng may gặp lúc lỡ đường, nhờ cụ cho nhờ một đêm, không bao giờ cháu giám quên ơn.

Ông cụ cười cái cười khoan-thai của cái tuổi đã quên vội vàng từ lâu :

- Ôi dào ! Ồn với huệ gì đâu. Khách đến chơi nhà là quý.

Khách ! Tôi là khách ? Ồ ! Tôi tự dung thấy mình là người quan trọng !

Nhưng tôi chỉ nghĩ thầm thế thôi, và cái ý nghĩ ấy lại phát-biểu ra bằng một câu nói cung kính hơn :

- Dạ, cụ dậy quá lời. Cụ thương cháu thì có.

Vào đến trong nhà, cái thứ nhất khiến tôi chú ý đến là đồng lửa rừng rực cháy ở trong cái bếp, đặt ngay ở góc

gian nhà rất rộng.

Một người đàn-bà, dáng chừng là vợ anh chàng đi đón tôi, đang ngồi rang cái gì nổ lép-bép trong chiếc nồi rang đặt trên đầu những ông táo đất.

Ánh lửa trên bếp, và ánh cây đèn dầu ta, soi lờ mờ không thấu gian nhà mông mênh. Nhưng cũng đủ để cho tôi nhận ra một điều là tuy đồ trang hoàng sơ sài, không đáng kể, nhưng nhìn qua, người ta thấy ngay sự ngăn nắp và sạch sẽ.

Và cái không-khí ở đây là cái không-khí ấm cúng và thân mật của một gia đình cần-lao và hiền lành.

Những đứa trẻ nhí nháu, xúm quanh ông già, bà già, như những rễ con quán-quýt xung quanh rễ cái của hai gốc đa cổ thụ. Chúng bí-ba bí-bô đến hay. Một, hai đứa đã bắt đầu cười với tôi.

Ông cụ mời tôi ngồi trên chiếc ổ rơm có phủ chiếu, giải dài suốt chiều rộng gian nhà. Những đứa trẻ xúm-xít quanh tôi. Rồi người con trai chủ nhà cũng ngồi xuống ổ rơm. Chỉ có người con gái là lảng-xăng đi lại. Trong giáng điệu, trong cử chỉ của nàng, có một vẻ không được tự nhiên.

Ông cụ hỏi tôi về gia-thế, về sự học hành, về cái điều đã khiến tôi ra đi.

Trong lúc tôi thêu-dệt cái «mẫu đòi phiêu lưu» của tôi cho thành một thiên du ký đáng để bên cạnh pho «Tê-lê-mac phiêu-lưu ký», thì ông cụ, bà cụ chăm chú nghe, người con trai chăm-chú nghe, lũ trẻ chăm chú nghe - dù rằng có lẽ chúng nghe như đàn vịt nghe sấm - duy có người con gái thì hình như đang bận để ý đến những công việc gì chẳng biết.

Hình như nàng không thích nghe chuyện, nhất là câu chuyện ấy lại do một người lạ đang ngồi kể. Mà nhất là người lạ ấy lại là người con trai cùng trạc tuổi nàng.

Nàng cầm chổi, quét đi quét lại gian nhà, dù tôi chẳng trông thấy một sợi rác nào.

Nàng cầm lại cái chìa vôi trong miệng bình vôi. Mặt nàng nhìn đi.

Nhưng, chẳng biết có sao, nàng chăm làm như thế, mà mỗi lúc tôi nói đến những mẫu chuyện buồn cười xảy ra trong đời học trò của tôi, những chuyện đùa nghịch tai quái của lũ «ông mãnh» tôi thấy nàng lại mủm-mỉm cười.

Ý hẩn cô nàng vừa nghĩ đến một câu chuyện riêng gì lý-thú đây !

Người con dâu bung một mẹt ngô rang đặt trên ô rơm. Ông cụ, bà cụ mời tôi ăn. Tiếng ngô rang kêu dưới răng lắc-cắc, nghe đến vui tai. Mà cái vị ngô rang, sao mà bùi, sao mà thơm đến thế !

- Thế mai đây, thầy định đi đâu ?

- Dạ, thưa hai cụ và các bác, con định về Hà Nội.

- Sao thầy không đi tàu ?

- Dạ, thì con đã nói rằng : con vì mãi trông phong-cảnh sông Lô-Giang bên bến Bạch Hạc, đánh rơi mất ví tiền xuống sông. Nhưng, thưa cụ, điều đó có làm gì đối với con. Không có tiền thì con đi bộ. Một kẻ làm trai đã «quyết-chí lập thân» (!) thì có cần gì phải cứ ra đi với một túi tiền đầy ắp. Con nghĩ, đi đây đi đó mà có nhiều tiền, thì ai mà chẳng đi được. Không có tiền mà đi đây đi đó được mới là điều khó-khăn, mà làm được mới «giỏi» chứ ?

Tôi nói câu ấy với một giọng nói có vẻ «ra phét» lắm, quên hẳn rằng vì đâu mà mình đến chốn này, mà mình ngồi đây.

Thì hay đâu, người con trai đã lại kéo giật tôi từ trên «chín tầng phách-lác», rơi đánh bốp xuống miếng đất thực tại :

- Nhưng, không có đồng tiền giắt lưng, nhiều khi cũng khó chịu. Như đêm hôm nay, nếu không gặp chúng tôi, có phải nhà thầy đành ngủ ngoài trời không ?

Y vừa nói, vừa cười hềnh-hệch. Tôi cũng cười, nhưng cười gượng ; và là cười để tìm câu bào chữa.

Thì đây, tôi đã tìm được một câu nói ý-vị :

- Chính vì không có tiền, tôi mới được biết cụ ông cụ bà là người nhận đức, và các bác là những người hiền lành, tử-tế. Chứ nếu tôi có tiền, đi xe đi ngựa, thì bao giờ tôi được gặp những người tốt như thế ? Có tiền, người ta chỉ gặp những cái tốt bề ngoài, những cái tốt giả dối thôi.

Câu nói ấy làm cho ông cụ, bà cụ có vẻ cảm-động lắm. Ông cụ cứ nắm lấy tay tôi, nhắc đi nhắc lại câu nói:

- Thầy rồi sau làm nên. Thầy rồi sau khá !

Người con trai cũng thôi cười cợt. Nhưng, trái lại, cô con gái lại mồm mỉm cười. Ấy mới lạ lòng chứ !

Tôi lấy cái giọng rất ngọt ngào, cất tiếng mời cô :

- Xin rước cô sợi ngô ạ.

Cô ta làm vẻ mặt nghiêm trang, nhưng miệng vẫn còn cái dư quang của nụ cười :

- Không giám, mời bác sợi.

- Phương, ăn đi con !

À, ra tên cô ta là cô Phương. Cô Phương ! Cô Phương!
Tôi lằm bằm trong thần trí hai âm thanh êm ái ấy, tuy mồm vẫn bồm bẻm nhai ngô một cách rất ngon lành.

Nhưng kìa, cô Phương cũng ngôi xuống ổ rom. Cô cũng đưa những ngón tay nhỏ nhắn, nhặt những hạt ngô trắng như bông gạo nở.

Tôi mãi trông những hạt răng đen nhánh cắn những hạt ngô trắng tinh mà quên cả cơn gió bắc bên ngoài, quên cả nông nổi từ đâu đã đưa mình đến chốn này.

Tôi đã ngủ một đêm rất sung sướng, giữa những người nhà quê chất-phác, tốt lòng, trên một tấm ổ rom mà cái êm, cái ấm, tôi tưởng rằng không giường êm, đệm ấm nào trên thế-gian sánh được

Tất cả chủ khách nằm sóng nhau trên cái thứ giường đặc nhà quê, đặc «việt-nam» ấy. Và tôi đã thấy rằng sự đi bộ là một liều thuốc ngủ rất mầu nhiệm.

Nhưng, lúc nửa đêm, một tiếng chó xủa bâng-quơ bên ngoài làm tôi chột tỉnh. Cái lúc tỉnh giấc ấy đầy những cảm giác lạ lùng.

Kỳ thủy, tôi không thấy biết gì cả. Nhưng dần dần, giác quan thức giậy, trí nhớ giở về, tôi mới nghĩ tới, cùng lúc thấy rằng lưng mình đặt lên một cái gì êm-ấm khác mọi ngày, cái sự nằm ngủ ở một nơi lạ cửa, lạ nhà.

Mà kỳ thay, tôi tưởng chừng như tôi ngủ ở một nơi quen biết đã từ lâu lắm.

Tôi khẽ nâng mình trên khuỷu tay, nghiêng người nhìn quanh.

Trong ánh đèn dầu ta chập chờn, tôi lặng ngắm những nếp người nằm đắp chiếu đều tăm tắp, đầu thò ra như đầu những pho tượng đặt nằm.

Tôi thấy tôi nằm ở một đầu ổ rơm, mình đắp một chiếc chiếu đậu mới.

Tôi đương băn khoăn, chưa biết nên nằm xuống hay ngồi hẳn lên, thì ở đầu ổ rơm, một cái chấn động-đập,

rồi cái chăn bị lật ra một bên.

Cô con gái tung chăn ngồi dậy. Cô nhìn tôi. Rồi cô đứng lên, cầm chiếc chăn đem lại chỗ tôi nằm.

Đứng bên tôi, cô khẽ cúi xuống và khẽ nói :

- Bác đắp chiếu, chắc rét không ngủ được. Thôi, bác đắp chăn này mà ngủ.

Vừa nói, nàng vừa đặt cái chăn dạ hầy còn nóng hơi hơi người lên lòng tôi.

Lúc ấy, giá có ai xin đánh đổi tất cả vàng bạc trên thế gian, lấy cái cảm giác của tôi khi ôm chiếc chăn ấy vào lòng, tôi cũng quyết khăng khăng từ chối. Vì nó êm, nó ấm lạ lùng, cái êm-ấm thần-tiên ! Nghĩa là không có lần thứ hai trong đời mà tôi được hưởng khoái cảm ấy nữa.

Tôi say-sưa trong cái giấc mê-tỉnh, tỉnh-mê thiêng-liêng ấy không bao lâu, thì một cơn gió lạnh bên ngoài thổi qua khe liếp, tôi thấy nàng rung mình, khẽ kéo chiếc chiếu đang trùm mấy đứa trẻ nằm bên.

Nhưng, nàng vừa lôi được một mẫu, thì chúng lại co lại mất, thành ra nàng nằm không !

Cái cảm-giác thần tiên của tôi bỗng dưng tan đi, nhường cho một cảm xúc thấm-thía. Tôi thấy tôi rét cái

rét của nàng. Một thương-mến tràn ngập lòng tôi.

Tôi vội vàng chồm giậy - phải nói là chồm giậy mới đúng - và rảo bước đến chỗ nàng nằm. Tôi giăng rộng tấm chăn ra, rồi tôi bồi hồi đắp lên mình nàng.

Và tôi lấy giọng rất tự nhiên mà bảo nàng :

- Xin cô cứ mặc tôi. Tôi không rét đâu.

Rồi, trước cái vẻ mặt e-ấp của nàng, vẫn rất tự nhiên, tôi lại nói :

- Tôi rét, tôi chịu được. Chứ cô rét, tôi không đành lòng.

* * *

Thế mà, hai mươi năm qua rồi !

Bây giờ, ngồi viết những giòng này, lòng tôi bỗng dưng ngùi ngùi.

Tôi nhớ lại rõ ràng cái buổi từ biệt cảm-động và buồn rầu, sau cái đêm không bao giờ quên ấy. Và sau bữa cơm cũng không bao giờ quên ấy.

Ở đâu, bỗng dưng tôi rơi vào cái gia-đình yên lặng này, làm rộn tất cả mực sống của người ta lên. Và nhất

là làm rộn những tấm lòng, trong đó có một tấm lòng mà tôi tin rằng ít nhất tôi cũng đã để một cái gì ở đây.

Tôi nhớ, tôi nhớ như in trong trí tưởng cái bữa cơm thân mật mà tất cả mọi người đều vồn vã chào mời tôi, mà tất cả đều cảm thấy một cái gì ngao ngán sen vào cái vui ồn ào bề ngoài.

Tôi nhớ, tôi nhớ mãi cái lúc từ giã ông cụ, bà cụ, từ giã tất cả cái gia-đình tử-tế, chất-phác ấy.

Tôi quên sao được cái cử chỉ dễ-dàng và nhân ái của bà cụ, lúc cụ đặt vào lòng bàn tay tôi một đồng bạc trắng xóa :

- Thầy cầm đồng tiền đi tàu. Tội gì mà đi bộ cho nó mỏi chân.

Lúc ấy, lòng tôi muốn khóc, nhưng tôi lại cố cầm được.

Tôi gắng-gượng nói mấy lời cảm-tạ, rồi đứng lên chào, từ-biệt mọi người.

Lúc ra cửa, lòng tôi bỗng se lại, vì tôi nhìn không thấy bóng người con gái đầu cả.

Nàng đi đâu ? Sao nàng lại đi ? Sao nàng không ở nhà, để nhận lấy cho tôi một lời chào, trong đó, tôi sẽ

đặt cả một tâm-hồn rung-động.

Tôi thờ thần bước xuống sườn đồi, thờ thần mà đi vào con đường phiêu bạt của tôi.

Bao nhiêu những cái hăm hở, những cái sốt sắng buổi sáng hôm trước, không biết vì đâu mà tiêu tán ? Mà con đường trước mặt, dài làm sao. Bước chân ra đi, nặng nề làm sao !

Chỉ vì một người con gái áo nâu đã đi qua đời tôi chiều hôm trước. Chỉ vì nàng con gái áo nâu, lúc bấy giờ vắng bóng.

Tôi lui thủi đi trên con đường đất đỏ, lê bước rã-rời về phía con đường sắt.

Con đường sắt này, tôi sẽ lại giòng theo nó mà đi, con đường sắt dài dằng-dặc. Chán nản làm sao !

Dù tôi đã có đồng tiền đi xe trong tay, đến ga nào đó, tôi sẽ lấy vé lên tàu. Nhưng, tiền bây giờ có nghĩa gì với tôi ! Cái chán nản đâu ở con đường ta trông thấy ?

Con đường đời. - Nhưng, kìa, cái gì như hình dáng người con gái áo nâu ? Phải rồi, phải rồi ! Chính nàng.

Người con gái áo nâu tắt tả đi lại trước mặt tôi. Nàng đã ra đây trước từ bao giờ rồi. Giáp mặt nàng, tôi sung

sửng ngả mũ cầm tay :

- Xin cảm ơn tấm lòng của cô, và xin cô nhận cho một lời... một lời...

Tôi còn đang ấp úng, người con gái áo nâu đã chìa một cái túi vải con, dúm vào tay tôi. Tôi cầm lấy, chưa kịp đôi hồi, thì nàng vùng té chạy.

Tôi đứng ngơ ngác nhìn theo cái bóng nàng áo nâu biến vào những chòm cây xa. Rồi thấy cái túi nặng, tôi mở ra xem thì đếm được, vừa hào lẫn xu, tám hào rưỡi.

Chỉ Một Câu Thôi !

Tiếng pháo giao thừa đã bắt đầu nổ. Ngoài phố lác-đác người đi bẻ lộc, cười nói ồn ào. Vợ chồng bác Thi nhìn nhau, nhìn cái nhìn như muốn hỏi :

- Sao ông khách mãi giờ chưa về ?

Chồng chạy lại khay đèn và xin một que diêm để có dịp ngó cối sái xem còn mấy viên nữa mà ông khách cứ kênh càng mãi.

Vợ lăm-le chỉ muốn nói một câu để tổng khách. Nhưng rồi lại không giám, vì từ tối, hai vợ chồng khi đàn hát xong, được ông khách mời «sang bên này» nói chuyện, và hơn nữa, đã được biết ông khách là người sang trọng, giàu có.

Giàu có, nhất lại giàu có với chủ nhà hát, thì sự giàu có càng đáng ca tụng lắm.

Chập tối vừa lên đèn, nhà bác Thi đã được ông khách vào hát.

Khách, vẻ mặt nghiêm nghị, không hay cốt-nhả, tiếng sang sảng như tiếng đồng, sang-sảng người quá khổ, ngồi nghe hát trững-trạc lắm.

Tính nhảm, bác Thi gái đã biết ông khách tiêu soàng từ tối đến giờ mất ngót năm chục bạc rồi.

Cái lúc cho mình chục bạc sau khi ngâm xong bài Tương-Tiến-Tửu thì thật lịch-sự quá :

- Bà chủ ạ, tôi không giám thưởng bà đâu. Đây là tôi thưởng cái người gọi được cái hơi men của cổ nhân lên đây. Bà cứ cầm..

Và cô Ngọc, cô Thanh, cô Huệ, cả u già nữa, năm sáu người chia tay nhau món tiền hai chục bạc ông khách ném ra.

Thế thì bây giờ, làm sao được để mời ông khách ra cho ?

Vợ bầm chồng ra sân, nói vào tai :

- Hay là cứ lễ và đốt pháo, tự khắc ông ấy về ?

- Ngộ không về ?

Vợ nhăn mặt :

- Có lạ, mình bảo không về, thế nằm đến bao giờ ? Tí nữa là năm mới rồi.

- Hay là bảo ông ta ?

- Bảo thế nào, ông ấy lại không biết nhà mình sắp cúng giao thừa hay sao ?

- Thế thì làm thế nào ?

Vợ chồng bác Thi cứ nhẩn nhó, băn khoăn, đi ra đi vào, thỉnh-thoảng lại nhìn trộm khách, xem đã rục rịch chưa. Vẫn cứ bèn sĩ tượng. Các con em bây giờ mới hiểu ý chủ, liếc nhau như ngầm một báo-hiệu :

- Không phải «valise».

«Valise» cái gì. Một châu hát chục bạc, khách tuy chưa chi, nhưng cứ nguyên cái khoản «thưởng» cho đào hát đã một chục rồi. Và còn bao nhiêu là «mảnh» vương vãi nữa. Thế hẳn khách không phải cái hạng đi hát không tiền, để phải đưa lên huyện.

Giá ngày thường, ông khách lại là tay trẻ, mặt mũi trông như đồ «tài hoa son trẻ» thì vào trường hợp này, chị em rất có thể ngờ ông đã «phá bình».

Nhưng không, con người ngoài ba mươi tuổi đầu, mặt đanh lại, cách ăn mặc tỏ ra bộ con người đứng đắn, ăn nói đường hoàng, nhất là nhiều tiền thế kia... thế nào lại là khách «nhỡ-nhàng» được.

Vợ chồng bác Thi bàn nhau, bàn nhau mãi, sau liền ra thua với khách :

- Thưa ngài, thế này thì thật quả nhà cháu «mạo muội» quá...

Rồi ngập ngừng... Khách phải bảo ngay :

- Tôi biết rồi, ông bà sắp lễ giao thừa mà tôi chưa về chứ gì ?

Chị vợ cười nhẹ :

- Dạ !

Chồng nhanh nhẩu nói đỡ :

- Bẩm ngài, ngày thường thì nhà cháu rước ngài ở chơi, còn hân hạnh gì bằng.

Khách nghĩ thầm : «Ngày thường, cố nhiên tôi có quyền ở lại rồi. Ai lại chủ nhà hát trực khách, không cho ngủ đêm».

Vợ đón ngay :

- Vâng, quả thế ạ, vì năm cùng tháng hết...

Khách cười ồ :

- Phải rồi, mai đã năm mới.

Vợ chồng chủ chưa thấy khách đã động đến sự vác cặp ra, lại trình :

- Bẩm, rồi ngài về trên phố ạ ?

Khách nhìn vợ chủ, mồm mỉm cười như có ý bảo :

- Tôi về phố nào đâu ? Có lẽ tôi ở lại đây.

Chắc con mắt khách hình như đã tố cáo sự «bề trễ», cho nên vợ chồng chủ nói ngay :

- Bẩm ngài, thật quả...

Khách không để phải nghe cái tiếng dụt-dè ấy nữa, bèn đồng dặc :

- Này ông bà, chả nói giấu gì ông bà, tôi không phải thiếu chỗ đâu. Nhà, tôi tuy không có (?), nhưng chẳng phải là có để cho tôi không có chỗ ngả lưng đêm nay. Chắc ông bà biết, ở đây nhiều buồng cho thuê lắm, «Hotel» tây thiếu gì.

Rồi nhìn chùng chùng vợ chồng người chủ hát :

- Nhưng tôi muốn ở lại đây, ăn tết với ông bà và các chị ấy.

Vợ chồng bác Thi trở mắt nhìn nhau. Khách tiếp ngay:

- Vậy thì châu hát tối nay, châu hát ngày mai, tối mai, tôi cứ chi gọn là trăm bạc. Ông bà nghĩ sao ?

Trăm bạc ! Thần tài đã sô ngã hết các bản-khoản của vợ chồng nhà chủ. Nhưng khách muốn củng cố nhờ «thỉnh cầu» của mình bằng một sức mạnh nữa, sức mạnh của «lý luận» :

- Vả, có ta vẽ ra thế thôi chứ. Đêm nào chả là đêm, sao đêm ba mươi, khách ở lại nhà hát lại khó thế ?

Người chồng đáp :

- Bẩm, còn sáng mồng một.

Khách cười xòa :

- À, thì hát luôn sáng mồng một, chiều mồng một, tối mồng một, mở cái quả mứt đầu năm ngay từ đêm nay thì đã sao ?

Rồi nói suê soa :

- Thôi, ông chủ lễ giao thừa đi, cho tôi ra lễ với, rồi mặc các bà ấy hì hục dưới bếp... Ông với tôi, cánh ta lên đây... ta làm cái khoản này.

Và chỉ vào khay đèn :

- Tôi còn vài hộp năm nữa.

Cho đến khi lá «bùa nhân-sự» ném ra thì mọi miệng bị dán chặt. Khách đẩy tờ giấy một trăm :

- Đây, tôi cứ mở hàng trước, còn nếu có cần làm vài cối pháo cho nó đẹp nhà, thì rồi ta lại bảo nhau sau.

Một đêm - nói cho đúng, vài bốn giờ đồng-hồ - chỉ là một đêm «của phong-tục», cho nên khách đã phải chỉ vào đấy ngót hai trăm bạc để được phá cái lệ : giao-thừa, ai về nhà nấy.

Vợ chồng nhà chủ, lúc xuống nhà dưới, thì thầm với nhau :

- Thôi cũng được, ông ấy mở hàng đầu năm rồi kia mà.

Chồng đưa tờ giấy một trăm cho vợ :

- Mình cất đi, rồi còn đặt lễ chứ. Tròng-vòng mãi, quđ giao thừa rồi.

Lễ xong, thẳng ở khệ nệ bung lên một mâm. Vợ chồng chủ theo sau. Chồng sum-soe :

- Ngài đã có lòng «chiếu cố», cùng ăn tết với vợ chồng tôi. Gọi là có chén rượu nhạt, khúc bánh trưng, xin ngài...

Khách hoan-hỉ :

- Vâng, ông bà cho, tôi xin, nhưng bà phải cho ông ấy hút với tôi vài điều đã. Rồi ta uống rượu sau. Cả bà nữa, hôm nay bà cũng phải hút với chúng tôi vài điều...

Vợ chủ bụng miệng cười :

- Bẩm ngài, em có biết hút thuốc phiện đâu !

Khách nhìn như có ý trách :

- Tôi đã được hân hạnh nằm hút thuốc với chị Ngọc, chị Hiền bên Vạn-Thái ; chị Bính, chị Hảo bên Khâm Thiên ; chị Nhân chắc bà biết đấy chứ gì - Nam Định, tiếng hát như tiếng dương-cầm. Thôi thì đủ mặt, khắp Trung-Nam-Bắc. Tôi đã cũng lại được đào Kim-Dung ở Thượng Hải ca cho nghe xuất đêm ở Cổ Hương Lâu. Nhiều lắm rồi, bà chủ ạ, bây giờ chỉ còn thiếu mời được bà vài điều thuốc thì đủ, đủ mặt giai nhân trong ca trường đầy thôi.

Khách kể ra một số tên các danh ca trong làng son-phấn. Chủ nghe thoáng, biết khách là tay mũi hương đã

trái, mùi dầu đã qua, nên thừa ngay :

- Dạ, bẩm ngài cho, chúng tôi cũng xin vâng.

Khách nói oang-oang :

- Có thể chứ ! Người tứ xứ ta gặp nhau trong lúc năm cũ qua năm mới đến, sao ta chẳng hút với nhau điều thuốc, uống với nhau hớp rượu, để cùng đón xuân.

Rồi quay về người chồng, vừa cười vừa nói :

- Có phải không, ông chủ... Thuốc phiện năm mới có mùi-vị khác, bao nhiêu những cái cay đắng, sót-sa ta đã trải, ta nhào nó vào với chất thuốc, hơ vào lửa cho nó sủi hết cái bọt tang thương lên, rồi nhét nó vào lò cứ để cho sự đời tha hồ mà nung nấu. Nung nấu chán đi, cho tan ra khói, cho mê man nhân sự, cho chín người, rừ người, để tiêu-ma hết phiền muộn, rửa hết hận lòng.

Người chủ cười, cười như những người tính vốn lạnh lùng, cười như kẻ đã hiểu hết sự đời, trải mọi vánh, trước mặt các gã trai tơ, thường làm ra ngớ ngẩn để che cái biết của mình, để cứ âm ừ cho qua :

- Vâng, ngài dạy chí phải.

Khách gọi một chị, chỉ vào bàn đèn :

- Chị nào dọn hộ khay đèn, bảo người nhà nó lau chùi lại đi. Để tôi tiêm mở hàng cho ông bà chủ vài điều, «mở quả» cho sang năm nay nhà hát đây không hết người...

Uống rượu xong, khách mở một hộp thuốc mới, trân trọng mời :

- Tôi đã nói với ông bà, tôi là người đã được cái phúc ngồi với tất cả các danh-ca ở đất này. Thôi thì đủ, ông bà còn lạ gì, lúc niên tráng lực cường đi mãi, tiền kiếm dễ, không bị ràng buộc, chỉ có một việc ăn chơi, làm gì mà chẳng đủ mùi. Hôm nay, đến đây hát với ông bà một tối, ngủ lại ở cái lúc thiên hạ ai nấy yên cư, cũng là lạ lùng rồi, nhưng rồi tôi sẽ kể cho ông bà một chuyện nữa. Vì tôi tham lắm, ông bà ạ...

Nói đến đây, khách cười ha-ha :

- Tham lắm, cho nên tôi mới nèo cho được ở lại đêm ba mươi ở nhà hát chứ, có phải không, ông bà ? Tôi kể cho ông bà một chuyện nó là cái cớ cho tôi ngủ ở đây đêm nay. Chứ tôi cũng bận lắm cơ đấy... Lúc này, tôi lại bận hơn ai hết cơ đấy...

Vợ chồng bác Thi nhìn khách như muốn hỏi :

- Ngài bận mà lại có thì-giờ đi hát tối ba mươi, lại hát luôn ngày đêm mồng một.

Khách hiểu ý, nói ngay :

- Không, tôi bận thật đấy. Nếu tôi không ở đây đêm nay thì cũng nằm tàu đi Saigon rồi. Định ra tàu lúc năm giờ chiều vừa nãy cơ đấy. Sau nghỉ nằm lại đây hai đêm một ngày nữa, nhất lại nằm ở nhà ta đây, thì cũng là một điều nên... Lâu lắm đấy, tôi không hát xướng gì cả. Lâu lắm, kể từ ngày chị Hải đi tu thì thôi, tôi cũng không bén-mãng đến nhà hát nữa.

Vợ bác Thi hỏi một cách hấp tấp :

- Hải nào hả ngài, mà lại đi tu ? Có phải Hải Hoàn ấy không ?

Khách cười :

- Phải, Hải Hoàn.

Chồng sen vào

- À, cô Hải mê cậu Hoàn, sau bỏ đi tu chứ gì ?

- Phải.

- Di cháu đấy, em gái tôi đấy.

Khách nhìn vợ chủ một cái nhìn như muốn bảo : « Vì thế, tôi mới đến đây và mới nèo cho được ngủ đây».

Vợ hát hàm cho chồng. Chồng ngần ngừ rồi hỏi :

- Bẩm, thế ngài biết dì cháu ?

- Phải, biết cả nhà cửa, biết cả quê quán, nghĩa là thân lắm.

- Thế có lẽ trước ngài cũng ở Haiphong ?

- Phải, trước tôi ở Haiphong

- Có lẽ ngài...

- Phải, tôi biết Hải lúc mới mở nhà hát.

Vợ chồng ngỡ-ngác nhìn nhau. Người chồng nhanh nhẩu hỏi :

- Có lẽ ngài là cậu Hoàn

- Phải, tôi là Hoàn.

Người vợ hấp tấp :

- À, cậu Hoàn, à ông... Hơn mười năm... và lại trước tôi cũng chỉ được xem ảnh, nên không rõ lắm... chỉ thấy dì cháu nói chuyện ông...

Khách gạt ngay :

- Bây giờ, ta hãy quay quần cả lại đây đã, hút mỗi người dăm ba điều để tẩy trần đã.

Vợ chồng chủ một bên, khách và một cô bé con một bên. Vợ chồng chủ đòi tiêm, khách không nghe :

- Đề tôi tiêm mời ông bà mới quý. Ở đây, ta coi nhau như chỗ quen thuộc hơn là quan viên, cô đầu. Ông bà cứ hút say đi, rồi tôi kể đầu đuôi cho mà nghe... và rồi tôi đưa giả cái này...

Vừa nói, vừa chỉ vào cặp đề trên tủ trè.

Hút một chập, mỗi người dăm điều, vợ chồng chủ nóng ruột, chỉ muốn biết chuyện và hơn nữa, muốn biết khách giả mình gì, chỉ lăm-le định hỏi. Khách biết ý, phải nói ba bốn bận :

- Thông thả, tôi đã bảo ông bà cứ hút cho thật say cái đã, rồi hãy hay.

Thuốc phiện vốn có ma lực làm dịu lòng người. Lúc chưa hút, bao nhiêu sinh-lực rộn rạo trong người như muốn dựng xác thịt lên, nhưng khi đã nhận khói thuốc từ dọc vào tỳ phế rồi, thì thôi : Cả một đám mây u ám dâng khắp tâm giới. Ít nói đi, ít cử động đi, mắt bớt sắc,

lòng bốt rộn-ràng. Khách vẫn tiêm; vợ chồng chủ cáo từ, xin để nghe chuyện.

Khách gác tàu ngang bụng, kể!

- Tôi vừa mới bán cái nhà và cả đồ-đạc trên phố được ngót năm nghìn. Đâu mãi lúc ba giờ chiều vừa rồi mới giấy má xong, tôi ở «nô-te» về. Đi đường, mới chợt nhớ không biết về đâu. Thuê «ô-ten» trong lúc năm cùng tháng tận, buồn chết. Định đi Saigon ngay, nhưng lại thôi. Mãi gần sáu giờ, vợ vẫn trên hàng Đào, ra Bờ hồ, chợt thấy một chiếc xe vụt qua. Trên xe là cô thiếu-nữ độ ngoài đôi mươi. Trời lạnh thế mà cô ta phong-phanh có một chiếc áo màu hồng, vạt bay lên. Chân xe để cái hòm da đen. Một ý nghĩ thấm vào lòng tôi. Người con gái kia đi đâu ? Sao lại còn vác hòm, vác xiềng vào giờ này, giờ sắp cúng giao-thừa này ? Hay là... hay là... một cô gái phong trần, giang hồ ?... Cô ta muốn là gì đi nữa, cũng không ngăn được bao nhiêu ý nghĩ sót-sa, nảo nuột vương vấn lòng tôi phút ấy. Tôi băng khuâng rồi rộn lên... Tôi thấy nhớ một người. Thế là tôi nghĩ ra nơi tôi phải đến. Vừa xuống đến đây, chưa biết hát nhà nào vì lâu nay tôi có lai-vãng xuống đây đâu, - thì cô bé này đứng ở cửa nó vẫy mình.

Nói rồi, xoa đầu cô bé ngồi cạnh :

- Thế là nhớ đến cái cô đi xe ban nãy cũng chặc cô này, tôi vào. Thật là lòng giời. Cũng định hát chơi một lúc, rồi đi kiếm cái phòng ngủ nào để chiều mồng một là ra ga, vào Nam kia đấy. Nhưng lúc bà hát, tôi có cảm-tưởng Hải nó ngồi trước mặt tôi. Sao mà giống nhau thế, cả nét mặt, cả giáng ngồi, cả giọng hát. Cứ như in. Sau nhìn trên tường, thấy có một tấm ảnh nhỏ...

Ngừng lại, khách chỉ lên tấm ảnh con trong khung :

- Có phải ảnh Hải không, ông bà ? Thế là tôi có ý nghĩ lại đây.

Vợ chủ :

- Thừa phải, chính dì cháu đấy ạ. Tôi trước cũng nghe dì cháu nói chuyện về ông. Bây giờ được gặp, thật là quý-hóa quá. Âu cũng là lòng giời. Bỗng dưng lại thấy nhau. Dì cháu xuất-gia, kể cũng được mười năm rồi đấy, ông nhỉ ?

Khách lim dim, gật gật đầu :

- Vâng, đúng mười năm. Năm ấy tôi hai mươi năm, Hải hai mươi ba.

Rồi khách kéo một hơi dài điều thuốc đóng thành lên trên nhĩ. Khói thuốc nhả ra, bay tản mát như những

mảnh lòng tan-mác, tan vỡ từ thuở đầu xanh.

- Tôi sẽ kể lại lúc đầu tôi gặp Hải ra làm sao cho ông bà nghe. Rồi sao mà bỏ nhau. Thật là hận quá, ông bà ạ. Bỏ một người mà phải ân hận đến bây giờ thì hẳn cái cơ nó cũng sót sa lắm chứ ! Chết cái, lúc giờ đã rồn mình vào khuôn thì đành, cứ chôn chết chôn trong cái hố số mệnh thôi, đừng có hòng mà rút lên. Chả trách các cụ cứ bảo : Thôi, số cả. Số, so, giờ đã muốn thì chịu.

- Dì cháu hình như tu ở một ngôi chùa nào vùng Nam.

- Có, từ bấy đến nay tôi gặp hai lần. Một lần cách đây bốn năm, gặp ở hàng Lọng, Hải bảo về thăm nhà. Mặc áo nhà chùa trông lại đấy ra.

- Đúng đấy ạ. Dì cháu có tạt về thăm vợ chồng tôi hai hôm, rồi lại đi.

- Hồi ấy, Hải hát ở quán Bà Mau. Tôi gặp Hải trong một trường-hợp đặc biệt. Một hôm, đáp tàu từ Haidương về, tôi bị kẻ cắp rút mất ví. Lên đến tàu, tôi chưa biết. Lúc uống bia, mua thuốc lá bóc hút rồi, tôi mới sờ đến tiền thì, chết chưa... mất ví. Thật là rầy rà ! Làm thế nào bây giờ... Uống của nó mất chai bia rồi. Mất hơn trăm bạc, kể tiếc thật đấy, nhưng lúc này còn lo sợ vì không có tiền giả, nên chưa kịp nghĩ đến tiếc vội. Tìm mãi,

tìm mãi, hết túi trên lại túi dưới, túi trong lại túi ngoài... không thấy vẫn hoàn không thấy... Thằng bé bán bia đợi mãi, sốt ruột, nó giục :

- «Ông cho con còn đi bán chứ. Tàu sắp hết ga rồi».

Cho !... Lấy gì mà cho ?... Chẳng lẽ mình thế này lại đi gán mũ cho nó hay sao ?... Lo quá cuống lên, thì từ phía dưới tiến đến một giáng-điệu thon thon, rồi cái giáng điệu thon-thon ấy nói một giọng nói âm ẩm :

- «Thưa... tôi có tiền lẻ, chắc ngài bị mất cấp».

Nói rồi, đưa đồng bạc cho đứa bé. Nó tính tiền giả lại cho Hải (người đàn bà ấy là Hải), Hải cầm sóc sóc trong tay, bảo tôi :

- «Ngài đừng ngại, có lẽ ngài lấy vé ở cửa ga, vô ý, bị kẻ cắp nó lấy mất đấy».

Mặt bùng bùng, tôi chỉ đáp ứng được một câu thun-lủn:

- «Cám ơn bà».

Rồi Hải hỏi tôi bằng một giọng thương thương :
«Ngài mất có nhiều không ?»

Tất nhiên là tôi không dám nói số tiền mình mất ra. Vì ít cũng là trăm bạc, nói ra biết nàng có tin không, hay lại cho là mình nói để chùng. Thấy tôi băn khoăn mãi, - ông bà bảo không băn khoăn sao được, khi một người con gái không quen biết giả tiền cho mình, không biết mình là ai, không đợi mình hỏi - muốn cho tôi yên tâm, Hải bảo ngay tôi :

- «Tôi ở 460, quán Bà-Mau, nếu ngài muốn trả lại, xin đến đây».

Quán Bà Mau, tôi còn đang ngờ ngợ thì Hải đã nói ngay :

- «Tôi mở nhà hát dưới ấy».

Hải nói một cách đường hoàng trước mặt mấy người hành khách. Sự Hải cho tôi mượn tiền để giả đứa bé chưa làm tôi phục bằng sự Hải nói thẳng nghề nghiệp của mình ra giữa chỗ đông người. Vừa là kẻ mắc nợ, vừa là kẻ bị lóa về cái tư cách của một người không giống mọi người, tôi thấy Hải đáng quý cho tôi. Rồi tôi hỏi chuyện Hải, hỏi qua loa một vài điều về nhà hát. Chẳng biết thật ra, Hải có đẹp lắm không, nhưng lúc ấy, tôi thấy có duyên lạ, và cũng đẹp lạ, và cũng thông minh lạ. Thế là tôi định hể đến ga là tôi theo về...

Khách quay hỏi :

- Ông bà xem tôi có bao không ? Như người khác thì ít ra phải về nhà lấy tiền rồi mới nói cái chuyện đi hát chứ ? Ít ra cũng phải hiểu là chủ nhà hát chứ, mà đến được nhà hát, ai có lơ đãng chẳng đem tiền đi bao giờ ?

- Hồi ấy ông buôn bán ở Haiphong ?

- Vâng, nghĩa là tôi sẵn tiền lắm, vả lại tôi cũng thử xem ra sao ? Tôi nằm liền ba hôm ở nhà Hải. Điều tôi nhận ở Hải là Hải rất thản nhiên, không hề để ý gì đến ông khách không có tiền giả đờ bẻ bán bia, bây giờ lại nằm lù lù ở nhà mình đã ba ngày rồi. Cứ việc ăn, cứ việc hút, cứ việc hát. Hôm thứ tư, chính tôi phải gỡ sự kiên nhẫn cho Hải. Tôi nhờ Hải đi lĩnh hộ tôi ba trăm bạc ở nhà một người khách trú. Nguyên tôi làm mại-bản cho nhiều hãng buôn và xưởng công-nghệ ở Cảng, tiền hoa hồng bao giờ cũng lưu cữu. Hải đem tiền về cho tôi, cười bảo :

- «Người tài phú nhìn em (lúc này đã thân), tùm tùm. Đưa tiền xong, ông ta vừa gài cái giấy anh biên vào quyển sổ, vừa bảo : «Sở tây nó giục gửi hàng rồi, cô bảo hộ mai ông «thầy» về làm giấy».

Đây là một nhà bán da của người khách, do tôi trông nom giấy má giao-thiệp với các sở tây và gửi hàng đi ngoại quốc.

Quen hơi bén tiếng trong ba tháng, một hôm tôi nảy ý muốn lấy Hải. Tôi bảo Hải «giải-tán» nhà hát, dọn lên phố, buôn bán. Không biết lúc ấy nghĩ thế nào, Hải giả nài tôi :

- «Anh để cho em thu xếp đã».

Tôi, tôi tính việc đời theo con số. Hải, Hải tính cuộc đời theo từng trái. Nhưng tôi nhầm, vì lòng người không phải những phép tính lập thành, cứ có đầu là có đuôi. Tôi, tôi nghĩ một cách giản-dị : có tiền, lại yêu nhau, sự lấy nhau dễ hơn lấy điều thuốc lá bỏ trong túi. Cho nên khi thấy Hải khát, tôi «xẹp» ngay. Cả một ngò vực đến với tôi lúc ấy.

Ông bà nên biết; tôi tuy tháo vát thật, song tháo vát là tháo vát trong cuộc mưu sinh mà thôi. Còn cái khu-vực nhân tâm thì tôi đã biết mấy, đã đi được mấy trắng đầu! Thế là cái tiếng cô đầu vốn đảo điên bắt đầu rộ lên trong tôi.

Tôi không từng trải lòng người, hơi thấy ai trái ý mình là lên đủ thứ án, định đủ thứ tội. Tôi biết đâu rằng

đời là cuộc cờ. Chỉ một cái nhích tay đặt lỗ một nước là cả một lao đao theo sau. Chắc ông biết đấy, đánh cờ thế đang thắng, bên địch đang bị ròn vào tử địa, sắp sửa «giả gỗ», thế mà mình chỉ lơ dềnh một chút, một chút thôi, xe đáng đóng cửa mang đóng bát. Thế là thôi, đi đời cả một chiến tuyến. Bao nhiêu «con» liên lụy. Chạy cứ như cờ lông công. Tan-tác cả. Rồi đến ông tướng, nửa giờ trước đây ung-dung tự tại, mưa không đến mặt, nắng chả đến đầu, bây giờ vì một viên quân đứng sai chỗ mà «lênh đênh». Gỡ được cũng còn chầy. Nhưng phần nhiều là bỏ giáo lại hàng. Cảnh tôi lúc ấy cũng thế. Đang được yêu đương, đang được nâng niu, bỗng giờ chò, chỉ «đứng» sai ở cái địa điểm thắng nhân-tình một tý thôi mà cả một cuộc tình duyên tan-nát. Lúc Hải giả nhời : «Đề em thu xếp đã» mà tôi kịp nghĩ ra rằng : con người ta, nhất con người ấy lại là chủ nhà hát, lại trẻ, lại có tiếng là đẹp, là hát hay, thì thu xếp «giải tán» một «cơ-ngơi» có phải dễ đâu. Ít ra cũng phải vương vấn với bao nhiêu đầu giây, mối dợ chứ.

Nhưng tôi đã bảo với ông bà, số phận cả. Khi số phận muốn cho hoa trôi bèo giạt thì mặt nước rợn sóng nổi lên, gió bốn phương thổi đến, hoa chẳng muốn cũng phải trôi, bèo chẳng muốn cũng phải giạt. Tự nhiên, một cuốn tiểu thuyết «Lụy cô-đầu» rơi vào tay tôi. Tôi đọc, đọc đến đâu thấy đúng đến đấy. Phải, ông bà bảo

làm gì chẳng đúng. Có tiền đi hát thì gặp giai nhân, đi hát mãi hết tiền thì giai-nhân bỏ. Có thể thôi. Còn cái sự đi hát phải tốn, tốn mà mình không sẵn thì mình phải động đến két của sở, của bạn hàng. Ngày một, ngày hai vỡ lở thì tù. Sự ấy càng giản-dị lắm. Thế mà tôi coi cuốn chuyện ấy như thần, như thánh. Tôi bắt đầu xét-nét Hải. Ông bà còn lạ gì, khi mình đình-ninh quăng đường ấy có ma thì thiếu gì ma, vài chùm lá cũng ma, cái ống khói trên mái nhà cũng ma, con chó đá cũng ma, chỗ nào mà chả hiện lên. Thế là sự tử tế của Hải lúc ban đầu trên xe lửa, tôi đồ là thói quen quyến rũ nhà nghề. Sự âu yếm của Hải trong buồng the, tôi cho là mảnh khóc của bọn phấn son. Nước mắt Hải trào ra trong khi kể cái đời ba chìm bảy nổi cho tôi nghe, tôi cho là «thủ đoạn» để «hạ» tôi. Tôi nghi, tôi nghi cả con mắt khẩn nài, giọng nói van-vỉ. Tôi đã đốt cả một «tòa thánh». Tôi không biết rằng là cô-đầu, hay hơn nữa là chủ cô đầu, nhưng Hải cũng là đàn bà, cũng là người. Nghĩa là cũng đủ thất tình, lục dục. Thế là giữa tôi và Hải có một vũng bùn lầy.

Từ đây, tôi thấy Hải làm dáng hơn, hay đi phỏ hơn, sấm sủa luôn, đông hát luôn, mặc dầu hát thì Hải cũng chẳng lộ mặt ra nhà ngoài bao giờ. Thì tôi đã nói với ông bà rằng : Số-phận cả.

Tôi còn nhớ một hôm, có đám quan viên đổi về, cô đầu vào mách Hải, Hải hỏi : Bọn nào thế ?

Con bé con giả nhời :

- Bọn anh Vinh trên K. B...

Nghe con bé nói, nàng thừ mặt ra. Thôi đích rồi. Thằng bạn tôi, thằng Súly nó nói quá đúng. Vẫn có người nào tên là Tính, Bính, Đính hay Vinh gì đó thường xuống hát, mê Hải lắm. Có lẽ Hải không được ra trò chuyện với nhân tình nên thừ mặt ra chứ gì ? Rồi đêm, tôi để ý đến cử động của Hải. Hải nói chuyện với tôi, tôi «theo» từng tiếng, từng câu. Ngay tôi bày ra gian, thật tôi đồ là dối. Cho đến lúc tôi với thuốc lá hút, hết diêm, Hải chồm ngay giậy, ra lấy. Tôi dăm ngờ, ngờ cái cử chỉ vội-vã. Sao mọi khi cần lấy gì, Hải gọi ngay các con em, hay gọi bếp ? Có lẽ Hải muốn ra nói chuyện với nhân tình rồi, để nhân-tình đừng đổi, ở lại cho được châu hát đây chứ gì ? Nhưng chỉ độ vài phút, Hải lại vào ngay. Vài phút mặc dầu, cũng đủ để tôi nghi Hải đã ám hiệu cho nhân tình, đã gửi cho nhân tình vài ba cái hôn bằng tay khi qua mặt.

Hải đem diêm vào cho tôi, tôi lạnh lùng hỏi, hỏi cái câu hỏi nó sói vào lòng :

- «Sao không bảo chúng nó lấy ? Hay mình phải ra thì họ mới không dỗi ?»

Thật tôi đã gieo ra cả một tiếng sét để cho Hải phải giật nảy :

- «Ô hay ! Sao mình nói thế ? Sao em lại phải ra thì họ mới hát ? Mặc họ chứ ! Mình không có diêm, em ra lấy cho mình đây chứ !

Rồi Hải sụm mặt, ghé xuống cạnh tôi. Tôi giữ chặt, không cho Hải chui vào. Hải van lạy :

- «Ô hay ! Sao mình giận em ? Không đi lấy cho mình thì mình lấy gì mà hút ?»

Tôi giả nhời một cách tàn-nhẫn :

- «Thế xưa nay tôi hút bằng gì ? Xưa nay mình không đi lấy thì ai lấy cho tôi ?»

Thế là tôi đã tự khơi một cái lạch cho lòng mình chảy về chỗ «tan-vỡ». Chỉ vì nàng đã nói một câu : «Để em thu xếp». Chỉ vì nàng không làm như tôi muốn, vò ngay lấy cơ-hội tôi dâng cho. Chỉ vì tôi tưởng đã yêu-thương nhau thì phải lấy nhau ngay, hà-tất còn phải thu với xếp! Hay hơn nữa, chỉ vì tôi vụng dại trong sự hiểu đời.

Mãi đến sau, tôi mới rõ nhờ nàng đáp tôi nó chẳng ăn nhập gì vào sự nàng tính toán cả. Có lẽ chỉ là thói quen, cái thói quen ác hại nó làm cho người ta không kịp nghĩ đến sự quan-hệ của công việc, - sự quan hệ của đời mình, - nói một lời vô ý nó làm kẻ nghe phải chung hửng, phải rụng rời, phải đứt ruột. Giá lúc bấy giờ, tôi được một người bạn từng trải, hiểu đời qua nhờ nói, chỉ bảo cho tôi, thì tôi không đến nỗi để vỡ cả một đời nàng, một đời tôi.

Tuy tôi đau đớn vì Hải đã thờ ơ, - mặc dầu Hải không thế, - nhưng tôi còn yêu Hải lắm. Nhưng yêu mà tôi vẫn khổ, khổ vì không «chiếm» được nàng trọn-vẹn. Tôi cứ nghĩ thế cho nên tôi khổ, còn nàng có điên đảo như tôi nghĩ không thì điều đó có cần gì. Tôi chỉ biết là tôi khổ, thế thôi.

Ý tưởng lấy Hải làm vợ bây giờ «rạn» hết ít nhiều rồi. Còn cái khổ nào bằng yêu đến cháy tâm-can mà khi nghĩ đến ăn đời ở kiếp với nhau thì hình như lại ngại ngùng, sờ sợ. Giá lúc bấy giờ, thần số-phận thương nàng thương tôi, thương cái kiếp chim ngoài ngọn gió, hoa đậu cành mưa, sui nàng nói với tôi một lời : «Thôi, anh cho em về trên nhà», thì tôi sung sướng biết chừng nào, thì tôi đã không phải ân-hận mãi.

Đã không làm gì để bồi vào con đê đang lở, ngày tháng chung đụng trong sự ngờ vực ; lại như những nhát cuốc, cuốc dần từng khúc, làm gì con đê chẳng vỡ, làm gì nước chẳng cuốn vèo đi nhà cửa, đồ đạc ? Lo yêu đương của tôi cứ tàn dụi dần, chỉ xót lại vài ba tia lửa leo-lắt. Rồi thì một hôm xấu giờ, tôi xuống, Hải đi phỏ vắng. Một lát Hải về, tôi nhìn mặt thấy thất sắc. Hỏi một vài câu, Hải nói ấp úng. Tôi thấy lòng kên, đà đặn một chút, rồi tôi về, Hải giữ không được. Tôi đã nghĩ, tôi đã định ninh trong lòng Hải chỉ là một người giỏi màu mè, nên sự Hải giữ tôi, tôi thấy bản thủ. Còn đang co kéo thì một bọn ba bốn người xuống hát. Tôi thấy họ gọi nhau, mang-máng nhu có tên Vinh. Thế là tôi giận sôi lên, tôi vùng vằng nhất định về...

- Cho đến bây giờ, tôi vẫn chưa hiểu sao Hải không quyết-liệt giữ tôi ? Hay tại Hải thấy tôi giận quá, không giám nèo lại ? Hay tại lúc ấy, bộ điệu tôi hung-hãn ?

Tuy về, nhưng chỉ hai hôm sau, tôi lại phải bò xuống. Bò xuống để mà lại nói những nhời bóng gió, lại khơi cho cái lạch «ngờ vực» chảy dài mãi ra, chảy ra cho đến đúng con sông «tan vỡ». Người ta, lúc u mê không còn biết gì phải trái. Đeo vào cặp mắt đôi kính vàng thì tường nào mà chả vàng ối. Từ ngờ nhau sang bỏ nhau chỉ cách có một sợi tóc, một sợi tơ, một đường chỉ. Hải

có phản tôi hay không, bây giờ tôi mới biết. Giá Hải không đi tu vì tôi đã phụ thì có lẽ mối lòng sâu của tôi không bao giờ gỡ được. Nhưng biết Hải yêu tôi thì đã muộn rồi.

Đương khi phải sống gượng với người mình đã ngờ là giả dối, những lời âu-yếm, mặn nồng chỉ làm cho mình tức bực thêm ra, vì mình thấy tởm quá.

Báo thù Hải, tôi đã làm gì ? Tôi bắt Hải phải nghe những lời chua-chát, mỉa mai của tôi. Tôi tra hỏi Hải để biết những lý-cớ vắng nhà, để biết những thứ Hải mới sắm. Thấy tôi gắt-gao quá, Hải chỉ thản nhiên. Cho là Hải dửng dưng với tôi nên tôi càng giận. Càng giận, tôi càng cố muốn vạch xem lòng dạ Hải, lúc bấy giờ tôi cho là lòng dạ kẻ bán ái tình.

Phải kể cả điều này, ông bà mới rõ. Tôi cho Hải nhiều tiền lắm, có lẽ vì thế mà Hải không giám vờ vập khi tôi lạnh lùng. Hải sợ tôi hiểu nhầm. Thì Hải còn phải sợ gì nữa, tôi đã hiểu nhầm ngay từ phút đầu rồi. Giá lúc giả lời : «Để cho em thu xếp đã», Hải nói được câu : «Thế thì em sung sướng quá», thì có phải tôi đã chẳng làm tình, làm tội nàng và làm tình, làm tội thân tôi không ?

Một hôm, - hôm ấy là ngày vĩnh-quyết, - tôi sắp đi vắng. Khi ra cửa, Hải hôn tôi. Nàng chỉ khẽ đặt môi trên

má tôi. Gáy tôi lạnh buốt đi, mặt tôi tái hắc, tôi ngờ Hải riều cọt tôi trong cái hôn nhẹ ấy. Tôi run bắn lên, muốn quay lại, nắm cổ nàng dúi xuống ra. Thì đã bảo khi đã nghi nhau, nhất cử nhất động của nhau đều đáng ghét, đều đáng rửa sả.

Hải giả dối với tôi trong ý-tình, tôi còn chịu được, chứ giả dối với tôi trong xác-thịt, tôi chịu sao nổi. Giá không bị Hải hôn một cách hời-hợt như thế thì chưa biết chừng, tôi cũng chưa quyết-liệt bỏ nàng. Mà rồi trong lúc tôi chù-chừ, Hải làm một vài cử chỉ chiếm lại được tôi cũng nên. Nhưng da đã lừa da, thịt đã dối thịt, thì trời ôi ! còn cách nào cứu vãn lại được nữa, còn cách nào hàn gắn lại được nữa.

Tôi đi chuyến ấy bảy hôm, lúc về tôi gửi cho Hải một lá thư. Bây giờ nghĩ lại, thật là xấu-hổ cho tuổi trẻ của mình, thật «quá-quần».

Hải lên tận nơi tìm tôi, bắt tôi phải về. Vì không biết rõ lòng người mình yêu nên cứ phải đo bằng những vẻ mặt, tiếng cười. Thật là ngốc, thật là trẻ con. Đã không lượng được lòng người, nhất là lòng người mình yêu thì phải tin. Tôi, đến cả tin, tôi cũng không tin nữa. Tôi không đủ lòng để yêu, không đủ trí để xét, thì tôi ngã là phải lắm. Chỉ khổ nỗi tôi ngã, tôi làm cho người yêu tôi một cách thật thà cũng ngã theo.

Hải gửi cho tôi hai lá thư, tôi không giả nhời. Ba bốn lần sau, Hải lên tìm tôi, tôi đều lánh mặt. Trong khi ấy, trong khi nàng làm cái việc «tìm» thì tôi làm cái việc «lẩn», cho đến ngày tôi nhận được thêm mấy chữ của Hải, đại-khái bảo nếu tôi không xuống sẽ bán nhà hát, đi tu.

Bán nhà hát đi tu ! Trời ơi ! Cái cối xay dọa nghiền trái núi ! Có thể nào một đào hát tôi đã nghi, một người hôn tôi một cách sảo trá (!) lại có thể bán nhà hát đi tu vì bị tôi bỏ ! Tôi bật cười về cái lỗi của bao nhiêu người đàn bà dọa chồng uống thuốc phiện dấm thanh đề chẳng bao giờ chết, để rồi lại chợ-phiên, «xi-ma» xuất đời.

Lúc ấy, tôi khinh Hải đến cùng độ, tôi cho nàng đã khéo sắm vai Điêu-Thuyền để lung lạc cái anh chàng chuyên cầm Thiên Phương Họa-Kích. Tôi vút thư vào giỏ, tôi bữu môi, siết giấy xuống sàn. Thôi thì đủ, tôi nhô vào cái gối có chữ thêu của Hải và ném xuống gầm...

- À, cô cháu thêm khéo lắm.

- ... Rồi tôi gửi cho nàng mấy chữ, nói tôi đã chán cái lối đóng kịch ấy.

Sau làm sao, ông bà có biết không ? Đúng như lời trong thư, Hải bán lại nhà hát, đi tu thật. Ông bà tính có

là không ? Thật không ai có thể ngờ như thế. Khi biết tin, tôi vội xuống thì Hải bỏ đi ba hôm rồi. Nhà hát bán cho người ta lấy vài bốn trăm bạc. Tôi hỏi người chủ mới xem Hải có dặn gì tôi không, người ta đưa cho tôi một lá thư : Hải yêu-cầu tôi giả lại bức ảnh phóng đại... của ông cụ thân-sinh, Hải nhờ tôi đưa làm ở một hiệu ảnh. Trong thư dặn để ở nhà hát, sau người ta giao hộ.

Thủy chung Hải và tôi, chúng tôi bỏ nhau chỉ vì nói vụng một lời, hôn vụng một cái. Hải và tôi, chúng tôi bỏ nhau chỉ vì ngu quá, không hiểu nhau qua nhờ nói, qua cử chỉ.

Bây giờ, tôi có thể nói một cách quả quyết : Hải có yêu tôi, Hải không giả dối gì với tôi cả.

Ông bà tính, trong đời người con trai có một người ca nữ vì bị mình hiểu lầm mà đi tu thì có đáng ân hận không ?

Cứ tưởng tượng người ta ôm trong lòng cả một niềm chua-sốt suốt đời, tôi cũng đủ chết rồi. Ai mà thần nhiên được, khi trong đời có một người yêu mình, vì mình mà tan tác, mà cơ cực mà sầu thảm ? Nhỡ việc chỉ hổng một lúc, đến khi việc khác đến bù vào chỗ thiệt, lại có thể quên được việc cũ. Đằng này, năm tháng cứ trôi, người mình yêu cứ cùng với tháng năm cay đắng thì

mình chịu thế nào nổi ! Mình còn sống, người ta cũng còn sống, bao giờ xóa được tên nhau, hình ảnh nhau.

Tôi tìm gặp Hải hai bận từ bấy đến nay : lần thứ nhất ở một ngôi chùa vùng Quảng-Yên, lần sau ở Nam-Định. Sở dĩ Hải đổi nơi như thế vì sợ bị phiền-lụy bởi thương cảm của tôi. Bây giờ thì tôi không biết Hải ở chùa nào.

Khách kể xong, tiêm hút một chập bốn điều liên, rồi mở cặp lấy tấm ảnh :

- Đây, cái ảnh phóng đại cô Hải nhờ tôi đưa làm hộ đây. Tôi vẫn giữ. Bây giờ bán nhà, bán đồ đạc, sang Cao-Mên làm ăn, tôi giao giả lại cho ông bà, rồi có dịp, ông bà đưa cho cô ấy.

Bác Thi gái cầm tấm ảnh, mặt hớn hở :

- May quá, thật là phúc đức. Tự nhiên vợ chồng tôi lại được tấm ảnh thờ. Thôi, để vợ chồng tôi đóng khung treo ở đây, chứ còn gửi cho dì cháu làm gì ?

Rồi quay hỏi khách :

- Ông đang làm ăn ở đây, sao lại bán đồ đạc, bán nhà, vào Cao-Mên ?

- Tôi lại vừa bỏ một người đàn-bà, hay nói cho đúng, người ta vừa bỏ tôi. Thôi, chuyện này kể ra không ích

gì. Tôi ở ăn tết với ông bà đến sáng mùng hai tôi đi sớm. Tôi đã sống từ bấy đến nay bao nhiêu lần xum họp và cũng bao nhiêu lần chia ly, chưa bao giờ tôi thấy cay đắng như lần Hải bỏ tôi, Hải, một danh ca đôi phấn-son là-lượt ra đưa muối nâu sông.

- Gần mười năm giờ, ông vẫn giữ được tấm ảnh, quý hóa quá !

- Hải đã làm cho tôi phải giữ. Được yêu như thế, tôi tưởng giữ cả đời, cả kiếp sau cũng vẫn còn là ít. Tôi bán nhà, bán cả đồ đạc, không đem theo một tí gì, ngoài vài quyển sách và tấm ảnh tôi vừa đưa cho ông bà.

Rồi khách cười một cái cười ghê rợn :

- Ấy quần áo cũng chỉ có bộ mặc đây thôi và thêm cái sơ mi trong cặp kia, còn tôi để lại cả.

Yêu Và Yêu

Cổ nhân vẫn nói : «Kẻ tiểu nhân và đàn bà rất khó dạy; gần nhìn, xa oán». Yêu em đấy, nhưng nếu không biết yêu, đặt em lên song-loan cho chạy quá đà thì song-loan xuống vực ngay. Em và cả xe của em đều nát như bùn.

Nhưng nếu không đặt em lên cái xe máy yêu đương cho em thấy ngày tháng của em được sưởi ấm thì em cũng lại «khăn gói gió đưa».

Thực là cả một vấn đề phức tạp cần phải giải quyết.

Người đàn bà nào cũng muốn được yêu-chiêu, nhưng người đàn bà nào được yêu-chiêu cũng «hổng». Tôi xin các bà thứ cho tôi cái lỗi nói thực. Vì chỉ có sự thực tàn nhẫn mới đem được chân lý cho người ta,

Có người được âu yếm quá đâm ra khinh-thường chồng. Khổ nhất ở chỗ nếu không được âu yếm, không người đàn bà nào bằng lòng chồng cả.

Làm thế nào hờ các ngài ?

Câu chuyện anh Chí kể cho các ngài đây, may ra giả nhời được điều các ngài muốn biết.

Một hôm mưa rầm gió bắc, anh Thọ đến tìm tôi. Vừa đặt chân vào nhà, anh đã hét ầm lên :

- Khổ lắm, anh ạ. Thế này thì đến chết thôi. Đòi thuở nhà ai, vợ con làm yêu, làm quái trong gia đình...

Tôi bắt anh ngồi xuống. Anh vẫn cứ bô bô :

- Phen này chịu, thà bỏ vợ còn hơn học máu mồm vì nó. Hơi đi đâu một tí, nó tra vấn, làm mình làm mẩy...

Tôi biết lại chuyện «gà mái đập chuông». Ôn tồn, tôi hỏi anh :

- Chị ấy lại «sà-lù-bệt» chứ gì. Đáng lắm.

Thọ quay phắt lại tôi, hét vang :

- Anh bảo đáng thế nào ? Anh cho cái sự vợ tôi nó hỗn láo là phải à ?

Tôi vẫn giọng một :

- Tôi không cho là phải, nhưng chị ấy cho là phải, anh bảo sao ?

- Vợ tôi cho là phải ?

- Hửn rồi. Không cho là phải, vợ anh đã không làm.

- Thế này đến vỡ đầu mất.

- Thôi, đừng vỡ đầu, để đầu đầy mà nghĩ. Đến còn đầu vẫn tối mò nữa là mất đầu...

- Ấy, thà mất đầu...

- Để đầu đầy mà dùng, tôi mách cho vài cách chữa vợ. Sự đời không đến nỗi thất-vọng như anh tưởng đâu.

Anh Thọ vùng-vằng :

- Ôi ! Anh không biết, vợ tôi thì không thể nào chữa được. Nó hỗn từ bé kia mà !

- Hỗn từ bé lại càng dễ chữa. Nhưng tôi hỏi : tay anh có dẫn không đã ?

Anh Thọ hùng hổ, giơ tay :

- Dẫn lắm ! Chắc anh đã biết.

Tôi lại hỏi :

- Nhưng lòng anh có dẫn không ?

- Có chứ.

- À, thế được, con bệnh của anh còn chữa được, không đến nỗi...Nhưng điều quan hệ là anh có giám ở đây đêm

nay không ?

- Tôi đến định rủ anh đi chơi suốt đêm nay đây mà ?

Tôi gạt ngay :

- Không được, giận vợ không phải là có để đi hát. Anh ở đây với tôi đêm nay, kể cho đệ một vài «kiểu mẫu hồng» của chị ấy, rồi đệ bóc cho một thang là bệnh khỏi biến.

- Thì tôi đã định đến ở với anh vài ngày.

- Thỉnh thoảng đệ lại, chị ấy vẫn tỏ ra con người vợ tốt cơ mà ?

- Thì hẳn rồi, nó vẫn tốt, nhưng khi cần xấu thì nó xấu hơn voi treó ngà.

Tôi chơi với anh Thọ đã lâu, nhưng không rõ cách cư xử của anh ấy với vợ con mấy. Tuy không rõ, nhưng căn cứ vào tính anh, tôi cũng biết sơ-lược cách «đổi-phụ» của anh ấy. Đại để cũng như trăm nghìn người đàn ông khác, không để ý đến sự dạy-dỗ vợ, thành thử xuất đời kêu than về vợ. Các cụ nói thật đúng : «Dạy vợ từ lúc bơ-vơ mới về». Chẳng qua loài người viễn thị, của nhà không nhận, chỉ nhận của người. Chẳng qua bụi chùa nhà không thiêng. Giá mỗi người đàn ông chúng

ta, ai cũng lấy câu ấy làm châm-ngôn, gia đình không lục đục bao giờ.

- Anh có dạy chị ấy không ?

- Hẳn chứ anh, ai lấy vợ chẳng dạy vợ.

Tuy anh Thọ giả lời tôi thế, nhưng tôi biết, anh có dạy vợ bao giờ đâu ! Hay là nói cho đúng, anh thỉnh thoảng hò hét vợ thì có. Hò hét vợ vì vợ làm anh bức mình, chứ không phải vì anh muốn cho vợ hay. Cũng như phần nhiều các cha mẹ đánh con. Đánh cho hả cơn giận trong mình, đánh cho bỏ tức. Như thế, roi vọt chỉ làm trẻ hư thêm, rất thêm, nghịch ngợm thêm, oán cha mẹ thêm.

- Anh có yêu chị không ?

- Hẳn rồi, ai không yêu vợ.

- Chị có yêu anh không ?

- Nhà tôi yêu tôi lắm, anh ạ.

- Anh yêu chị, chị yêu anh, được ! Thế thì anh sẽ là người sung sướng. Anh yêu chị, nghĩa là anh giám dạy chị, chị yêu anh, nghĩa là chị không thể bỏ anh chứ gì ? Phương thuốc của tôi chỉ có thể chữa cho ai yêu vợ và được vợ yêu mà thôi.

Anh Thọ nhanh nhẩu vỗ vai tôi :

- Anh phải bóc một liều cho vợ đệ mới được. Không thì hỏng to. Đệ không giám quên ơn đâu.

Rồi anh vò đầu tôi :

- Anh Chí của đệ xưa nay có tiếng là lương-y. Chữa đám nào là đám ấy khỏi tiết.

Tôi cười, nói đùa :

- Ấy thế mà lương y thì vợ con vẫn bắt công đi chơi luôn đấy.

- Anh lại khác, chị ấy là thần, công thần càng danh giá chứ sao !

Tôi vội nói ngay :

- Anh nhớ kỹ cho đệ điều này : Đàn bà ai cũng là thần và ai cũng là quỷ. Thần hay quỷ, tự mình. Không có bà nào sinh ra mà là thần ngay đâu.

Đêm hôm ấy, anh Thọ ngủ lại nhà tôi. Anh kể cho tôi nghe những nỗi «khổ-tâm» của anh về chị ấy, nhưng bất-ngoại hai chữ : Vợ hư, hay nói một cách khác : Sợ vợ. Nói đến câu sợ vợ, anh Thọ cãi bậy bầy :

- Tôi không sợ.

- Không sợ, sao vợ anh lại mè nheo anh ?

- À, thì mình trái, đi đêm đi hôm, cứ nói dối như ma.

Tôi nắm lấy cơ hội :

- Sao anh lại nói dối chị ấy ?

- Thì mình đi chơi, không nói dối song à ?

- Thế lúc anh cho bạn anh bộ quần áo cũ, anh cho bạn anh món tiền, sao anh cũng phải nói dối ?

Anh Thọ chán ngán, lúc đầu :

- Tại vợ tôi nó khôn nạn.

- Không, vợ anh không khôn nạn. Vợ anh sợ dĩ mè nheo anh mỗi khi anh làm một việc na-ná như việc cấp đỡ bạn, đi chơi một tối, là vì anh đã không làm gì giáo hóa chị ấy.

- Nghĩa là tại tôi ?

- Tôi xin anh nhớ cho điều này : «Linh tại ngã, bất linh tại ngã». Người đàn ông đúng-mục, không bao giờ vợ con hư được. Mình cư xử chính-trộn, vĩa đàn-bà không giám hỗn với mình.

- Thế anh bảo dùm tôi, mỗi khi tôi vắng nhà một vài hôm, vợ tôi nó mặt lung mày vực với tôi, tôi phải làm thế nào ?

- Anh phải dạy vợ anh từ lúc vợ anh mới lấy anh. Anh phải làm cho chị ấy tin rằng sự vắng nhà của anh không thương tổn gì đến tình anh với chị ấy cả.

- Tôi làm thế nào được ?

- Anh phải yêu chị ấy một tình yêu chân thực.

Anh Thọ cãi ngay :

- Tôi vẫn yêu nhà tôi.

- Tôi biết rồi, yêu cũng năm bảy đường. Yêu, có khi làm lợi cho đàn bà mà có khi làm hại cho họ. Anh bây giờ còn «lung-bung» trong vấn đề này lắm. Cứ để yên, tôi k cho anh nghe những chuyện «vợ» của một vài thằng bạn, rồi anh khắc tìm ra mối. Rồi tự khắc anh thấy anh phải xử thế nào ?

* * *

- Linh, chắc anh biết chứ gì ? Lấy vợ được hơn tháng thì một hôm lại mượn tôi cái valise, bảo đem về cho vợ. Một lát, anh quay lại, mặt như chàm đỏ, hỏi mượn cả chìa khóa. Đem chìa khóa về nhà cho bà ấy, sách valise

ra ga cho bà ấy để làm gì ? Để bà ấy «sà-lù» cho tôi tắm mặt mũi ở ga. Nguyên-do chỉ vì lúc mượn valise không mượn cả chìa khóa, để bà ấy phải đợi, nhờ tàu của bà ấy.

Ra ga tàu chạy rồi, bà ấy ném cái valise đánh phịch xuống đất. Vùng vằng, bà ấy về. Cu cậu lếch thếch vác valise về.

Đã thôi đâu, về nhà bà ấy làm cho một trận đáo đê nữa, hàng xóm đổ sang đông như đi xem đám.

Cu cậu «biết lỗi», năm dán xuống giường không giám thử.

Anh phải nên nhớ : Anh Linh mới lấy vợ được một tháng thôi. Mới một tháng vợ anh Linh đã có can đảm vứt valise ra ga, anh Linh cũng đã đủ «can đảm» nhặt valise ấy về thì rồi không lâu đâu, vợ anh ấy sẽ vứt cả anh ấy ra ga nữa. Quả nhiên, sau vì một chuyện anh Linh đi đến mờ sáng mới về gọi cửa, chị ấy nhất định không mở, cu cậu phải đứng đường cho đến bạch nhật. Rồi đã xong đâu, bữa cơm hôm ấy cu cậu phải nhịn.

- Nhịn ! Anh Thọ quắc mắt hỏi tôi.

- Phải, nhịn, vì chị ấy không thôi.

Anh Thọ đập bàn :

- Thế có mà đem chôn !

Tôi thông thả đáp :

- Nếu chôn, sao không chôn ngay từ lúc vợ ném valise ra ga ! Sao không chôn ngay từ lúc thiếu chìa khóa, vợ phụng phịu ? Sao không chôn ngay từ cái tối hôm tân hôn, vợ tỏ ý không bằng lòng vì cái «lỗi» màn này «quê» lắm, không tiện như màn «ném» của anh đốc ?

* * *

- Quyên, chắc anh cũng biết chứ gì ? Trông người phốp pháp thế mà sợ vợ một phép. Bạn sắp rủ đi chơi là khai rúc rầu sỏ mũi ngay. Nhưng nếu được phép rồi thì lại «tón» lên như quỷ nhận được mã. Dạy học có tiếng nghiêm, về nhà hơi vợ nói, chết dun chết đế. Động vợ hét to một tiếng, cậu nín thin thít ngay. Quanh năm suốt đời, lúc nào cũng phàn nàn về vợ mà lúc nào cũng bị vợ «sài». Anh có biết tại sao không ? Tại cậu là con nhà «danh giá». Một hôm, anh ấy bảo tôi :

- «Mình là con nhà «danh-giá», làm âm-ĩ, hàng xóm họ biết, họ chửi cho».

- Thế anh tính có chán không ? Người đáng quan-tâm là vợ anh ấy, chứ có phải hàng xóm đâu. Hàng xóm khen mà vợ vẫn nói như tát nước vào mặt, ích gì cho anh ấy ?

- Anh ấy nhu nhược quá ! Anh Thọ vừa dụi tàn thuốc là vừa nói.

- Phải, anh ấy nhu nhược. Người đàn ông nào có vợ nói to đến nỗi hàng xóm nghe tiếng mà chẳng là nhu nhược ? Bịt ngay miệng vợ từ ngày vợ hét đura ở đun nước thì chắc chắn vợ không ghét mình sau này. Bảo ngay cho vợ biết từ lúc mới lấy nhau rằng đàn bà không bao giờ nên để cho hàng xóm nghe tiếng mới là người hiền đức, thì đâu đến nỗi có ngày phải xin từng hào giả xe, xin từng đồng góp mua câu đối phúng ?

* * *

- Anh Lý, anh em vẫn gọi là Lý Thông vì anh ấy cao và cũng vì anh ấy trông có vẻ láu lăm. Thật là đủ mảnh-khỏe, đủ lý sự. Anh em trong sở, ai có việc gì, anh khu xử xong ngay. Nói đâu ra đấy. Tiệc tùng nào có mặt là cu cậu nói như thánh phán. Thôi thì đủ văn chương, nghĩa lý. Việc gian bàn ngay, cứ kiện-cáo nhờ anh là thế nào cũng xong. Các chức-dịch làng anh ra tỉnh kiện-cáo, thế nào cũng đến nhờ anh. Trăm đám được cả trăm,

khét tiếng về đến làng :

- «Ông phán Lý «văn-án» giỏi thật». Mà Lý thì nó giỏi thật, đơn-từ thảo chẳng kém gì thầy kiện. Trước nó mở phòng kiện-tụng mãi đầy thôi.

Anh em trong sở muốn hội họp gì là y như phải hỏi Lý trước. Lý bảo được là được, bảo không được là không được. Còn nhớ một lần phải ra tòa, Lý cãi như những ông trang-sur thiện-nghệ. Anh em, ai cũng đoán Lý bị phạt ít ra là năm ba trăm quan, thế mà không. Trắng án!

Đi đâu, hạng ghế «sang trọng» nhất thế nào cũng có Lý. Thật là con người «ăn to nói nhớn».

Thế mà ngờ đâu chính con người ăn to nói nhớn ấy lại là «hạt bụi» trong gia đình. Sợ vợ hơn sợ đi khám ngực hồi vài năm về trước.

Một hôm, chỉ vì anh đem cho bạn mượn cái đồng hồ mà vợ anh đập tan ra.

- Đập tan đồng-hồ ra ? Anh Thọ nhăn mặt hỏi tôi.

- Đập tan ra đã thôi đâu, vợ anh còn đến tận nhà bạn nói lời thôi nữa.

Anh Thọ giơ tay lên giời :

- Thế thì phải bỏ, dung thế nào được hạng đàn bà ấy.

- Bỏ, bỏ thế nào được ? Đến lạy van cho vợ ở cũng chưa xong, lại còn nói chuyện bỏ. Sao không dừng «dung» ngay lúc vợ mới nhỡ tay đánh vỡ chén có được không ? Sao không bỏ ngay từ lúc vợ quát đầy tớ khi nó pha nước cho bạn : «Cho ít chè chứ, không ai đi súc được. Rẻ lắm đây !»

À, những lúc ấy đã không bỏ được thì sau này nó đập đồng-hồ, chửi bạn, còn bỏ gì được nữa !

* * *

- Vị văn sĩ, thật là thiên-tài. Viết văn từ năm lên tám tuổi. Chữ thánh hiền kẻ vào bức tam trường, lại «đèo» thêm cái diplôme nữa, lại «kiêm» tốt nghiệp võ bị nữa. Thế mà có ngày vợ nó tung cả divan ra đường đấy.

Cu cậu ba lần diễn thuyết, được các báo Trung-Nam-Bắc khen đã lắm. Cậu tạo ra đủ các thứ đàn bà lý-tưởng, thế mà người đàn-bà của cậu lại chẳng lý-tưởng chút nào !

Trong bắp thịt cậu, tưởng chừng như Hercule tái-sinh. Ngực nở như cầu vồng.

Phu xe hơi vời vỉnh, Vị hét một cái, tức khắc nín thin-thít ngay.

Một hôm, cu cậu nhận được giầy thép anh ruột lên chơi. Cu cậu ngỏ ý mời bác ở chơi đến hết hội-chợ. Vợ nhất-định không nghe. Thế là hai vợ chồng «xung-đột». Kết-cục, anh phải nghe vợ.

Thọ phát câu :

- Thế ra nó muốn làm gì thì làm ?

- Hẳn rồi, muốn nó đừng «làm gì thì làm», phải vật cở nó khi nó mới nói câu «bác ấy» từ năm ba năm trước, khi nó mới nói giống một với anh mình. Muốn nó đừng «làm gì thì làm» thì ngay hôm đầu nó dọn cơm mời «bác», phải hạch nó về «tội» đũa bát không được thơm tấ, gạo không được trắng, nước mắm không được ngon, và lúc ngồi ăn cơm không ăn mặc cho tử tế, hay sơ xuất trong sự mời chào. Để nó «nhập cửu thành yêu» rồi, thì cái giống yêu không có râu ấy, ai mà trị được !

* * *

Anh Thọ nghe tôi kể vài chuyện, vụt hiểu cái lý-do nó làm người đàn ông thành ra sợ vợ. Anh hớn hở bảo tôi :

- À, ra tôi hiểu rồi, những anh sợ vợ rất ghét ai bảo mình sợ vợ. Mà kẻ sợ vợ thì chó thật ! Vợ nó có ăn mình đâu, nó có «nhai» mình đâu, mà mình phải sợ nó? Mà mình đã để nó đánh mình như đánh rắn đâu mà bảo mình sợ vợ ? Ra bây giờ đệ mới hiểu hết nghĩa câu : «Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về».

- Thế là anh hiểu rồi. Đấy, cả cái bí quyết để «rèn» vợ. Hãy mắng vợ một câu để sau khỏi phải giận vợ, khỏi phải đánh vợ, khỏi phải bỏ vợ. Những người tưởng mắng vợ là làm nhục vợ thì rồi có ngày phải làm nhục vợ thật. Yêu cây thì không phải cứ hô rầm lên là tôi yêu cái cây này lắm ! Yêu là tỉa đi cho nó những cành sâu ăn, những lá vàng. Người đàn bà phải luôn luôn đeo một «bài chỉ», bài chỉ của người chồng. Phải làm cho họ hiểu cái đẹp của đức hạnh, hiểu giá trị luân lý của người vợ, hiểu giá-trị của người chồng. Anh có thấy có bà coi chồng không bằng đôi giép không ? Thật đấy, tôi không nói quá đâu.

- Chắc anh lại biết chuyện bà nào coi đôi giép chồng hơn hẳn ?

- Lại còn phải bà nào nữa. Bà nào không có bàn tay đàn ông nồn nấn mà chả thành ra cái bà coi chồng không

bằng đôi giép ! Giời mưa, phơi đôi giép thì vội vàng cất vào đây, giá lúc ấy chồng có phải đi bộ về, ướt như chuột lột thì chĩnh mảng, không thấy sót-sa cho chồng, lo chồng ốm, lo chồng cảm. Đôi giép thì sợ ướt, chồng ướt từ đầu đến cuối thì dửng-dung. Thế là coi chồng không bằng giép, chứ lại còn đến nổi chỉ vào mặt chồng bảo : «Cậu không bằng đôi giép của tôi !» hay sao ?

Anh Thọ thích quá, chạy lại ngồi xụp xuống cạnh tôi, để tay vào đầu gối tôi, rồi nói một cách thân mật :

- Anh làm thế nào biết được những điều ấy ? Cả một chân lý cho kẻ làm chồng.

- Tôi, trước cũng như anh, cũng «lơ-đễnh» trong sự «đương đầu» với đàn-bà. Nhưng một ngày kia, may-mắn, tôi được anh Chung chỉ bảo một vài cách, thành thử bây giờ nhờ giời cũng thành thạo. Điều này mới lạ: Đàn bà chỉ được sung-sướng khi nào làm tôi-mọi cho mình. Tôi nói tôi mọi đây là nói «tôi mọi» của thiên đường. Trái lại, để mình làm tôi-mọi cho họ thì gia đình là địa ngục, họ không bao giờ sung-sướng cả. Tôi sẽ kể đời vợ con của tôi cho anh biết, rồi anh mới tin lời tôi nói là đúng. Tin rồi, anh làm theo đi, anh sẽ có hạnh phúc, anh mới cảm thấy vợ anh được yêu, anh được yêu.

- Tôi lấy nhà tôi năm tôi mười chín. Nhà tôi kém tôi hai tuổi. Chắc anh đã rõ chúng tôi yêu nhau và lấy nhau.

Ngay hôm đầu tiên, đũa ở thối cơm khô, nhà tôi nhất định không chịu ăn, mặt phụng-phịu, dằn dỗi. Tôi cuống lên, nói mãi, dỗ mãi, nhà tôi không nghe. Cáu tiết, tôi hất cả mâm xuống đất.

Nhà tôi nhìn tôi căm hờn, thản nhiên trông bát đĩa vỡ, vào giường nằm. Đáng lẽ tôi không nên phá đồ đạc như thế, vì đã làm nhà tôi tức-giận thêm một cách vô-ích. Tôi lại không biết rằng tình vợ chồng như thế là đáng buồn, là đáng đem ra mà treo lên. Tôi không giữ được vẻ giận-dữ, chốc nữa đã lại làm lành với vợ trước rồi. Một chuyện thất sách. Bây giờ ấy à ? Bây giờ tôi đã có cách «trị» nàng thật có hiệu-quả. Nghĩa là khi nhà tôi chê cơm khô, tôi nói một lời rất ngọt ngào :

- Cơm khô, tôi với mình thử ăn để sau này lúc nào ngồi rồi ta nhắc lại, có thể tự hào là vợ chồng đã trải qua thời kỳ cơm sung, cháo rền.

Hay là giản-dị hơn ;

- Cơm khô, anh với em cùng ăn một cách vui vẻ thì cũng mất khô đi.

Hay nói một câu cộc lốc :

- Anh ăn được thì em cũng ăn được chứ !

Nói thế, nàng chưa nghe thì ta đứng giậy, không thêm một tiếng nào nữa. Ta giận cho một ngày, không nói-năng gì đến nàng mà cũng không hỏi-han nàng, xem có cuống lên không nào !

Đằng này đã cái-kinh đập-phá để gây cho vợ oán-giận, lại «bợ đợ» ngay sau vài giờ đồng hồ, trách nào vợ chẳng khinh ngay. Chuyến ấy là một. Màn đầu đóng một cách vụng về như thế, tất nhiên các màn sau đều bị khán giả «suyt» cả. Tôi cũng nên để anh biết nhà tôi là con út một gia-đình giàu có. Con út tất nhiên không phải làm gì, nàng rất vụng về trong sự nấu nướng. Lại hấp thụ một nền giáo dục hạ-cấp, nàng thuộc về loại những đàn bà lãng-loàn. Vợ đã hư, mình lại «đốn», thành thử gia-đình suốt năm ấy sang năm khác lục đục. Bảo gì nó cũng chẳng nghe, nói lảm mồm miệng. Mỗi khi «xung-đột» xong, lòng tôi lại chán thêm một ít, lòng vợ tôi lại oán thêm một ít.

Về cái «đức» ghen thì phải nói vợ tôi vào bậc «đại-đức». Nó ghen với người đã đành, nó còn ghen cả với ảnh, ghen cả với đào cinéma, đào hát. Một lần, đang xem hát nó vùng vằng bỏ về, chỉ vì tôi đã vô tình khen

một đào luôn miệng với nó. Thế là tôi chịu chết, cũng phải về theo. Tôi không đến nỗi ở cái hạng sợ vợ mà về, nhưng lại thuộc vào cái lớp muốn dạy vợ, nhưng chính mình «mất dạy», không biết nên dạy vợ thế nào. Thành thử chỉ nói lèm-bèm, cáu lên phá đồ đạc, giận quá đánh vợ một vài cái. Giá như bây giờ, tôi mặc cho vợ bỏ về, tôi cứ ngồi lại. Lúc tan về nhà không thèm hỏi nữa, nằm riêng ra một nơi thì có lẽ vợ tôi sợ mà không giám hỗn nữa cũng nên.

Sống với nhau mười năm giờ thì có đến hàng nghìn, hàng vạn lần xô-sát. Rút cục đến giờ không chịu đất, đất phải chịu giờ. Nói mãi cũng thế, giận mãi cũng thế, đành chịu cho nó êm nhà.

Tuy vợ tôi hỗn với tôi như thế, nhưng chỉ hỗn khi nào tôi dính vào việc trai gái hay giúp-đỡ bè-bạn một cách thái quá thôi. Còn lúc thường, vợ tôi rất chiều tôi, chăm-nom tôi như những người mẹ đang chăm-nom cho con đầu lòng, Lại thêm vào đấy sự tần tiện, tài may-vá, đồ đạc trong nhà lúc nào cũng tinh hảo, quần áo không bao giờ thiếu một cái khuy. Vì thế nên ngoài những lúc vợ chồng «hục hặc» nhau, tôi rất bằng lòng vợ tôi về sự xếp đặt cửa nhà. Tôi không hiểu rằng người đàn-bà cho ta cái đức trước đã, rồi mới đến các thứ kia - tôi muốn nói tài vá-may, thu xếp. - Tôi không hiểu

rằng chỉ ba đồng bạc, người ta có thể có một kẻ hầu hạ thật chu đáo. Tôi không hiểu rằng người đàn-bà chỉ cho mình quý khi nào mình luyện họ «quy-phục» mình một cách trọn vẹn mà thôi. Còn các «tài» vật hãy bỏ đấy, xếp số. Tôi không biết rằng lấy vợ là lấy một người ruột lòng, lấy một người sống gửi thịt, thác gửi xương. Nếu biết, tôi đã dạy được vợ tôi, răn được vợ tôi.

Chỉ kẻ rộng hiểu, thâm hiểu nghĩa thiêng-liêng của tình vợ chồng mới dạy nổi vợ, khuyên nổi vợ. Chỉ kẻ yêu vợ cho đến cháy lòng mới khiến vợ nghe theo ý-muốn của mình được.

Tôi, trong ngót mười năm giò, tôi đã buông trôi thả lỏng, coi nhẹ hành vi, sống sai-lạc, cho nên vợ tôi mới giám hỗn hào.

Nhưng một hôm, tôi được anh Chung chỉ dẫn cách «đóng gông» vợ tôi, nên gia đình tôi hôm nay mới hòa-lạc được như anh thấy.

- Chị ấy mà cũng phải dạy kia à ?

- Thì tôi đã nói với anh, vợ tôi lúc trước mất dạy hơn ai hết. Anh không nghe chuyện à !

- Lạ nhỉ !

- Thì tôi đã bảo anh, người đàn-bà nào cũng có thể là thần, nếu ta biết đưa họ lên ngai. Anh Chung, khi thấy rõ vợ tôi là người đàn bà không có đức hạnh, lãng-loàn, bèn bảo : Có thật chú muốn được hạnh-phúc gia-đình thì hãy nghe tôi.

- Em xin nghe anh.

Anh Chung gắng hỏi tôi :

- Nhưng chú có thềm sống một đời đẹp đẽ không đã ?

- Thừa anh có.

Anh Chung lại hỏi :

- Chú có bằng lòng điều này không : Được vợ thì được cho tử tế, không thì thôi, thà là mất. De deux choses, l'une.

- Vâng, em bằng lòng,

- Thế thì kể câu chuyện sách-mịch vừa rồi cho anh nghe.

Tôi bèn thuật lại cho anh Chung biết. Anh cười nhạt :

- Vợ chú giám vác roi đến nhà bạn tìm chú thì quả đã lãng-loàn.

- Vì thế cho nên em khổ...

- Khổ gì, chú muốn có vợ ra vợ thì hãy về bỏ vợ đi. Bỏ vợ đi, tự khắc chú có vợ hiền.

Tôi mới nghe, thấy chối lòng, tự nghĩ :

- Bỏ vợ để lấy vợ thì tôi làm thế nào được, lương tâm tôi yên thế nào được ? Vợ tôi chỉ ghen, sợ tôi chơi bời mà ghen là vì yêu tôi. Thế thì tôi nữ nào bỏ vợ tôi ?

\Nghĩ thế rồi, tôi nói với anh Chung :

- Thưa anh, điều ấy em không làm nổi. Em không chịu nổi sự hình phạt của lương tâm.

Anh Chung cười bảo tôi :

- Chú ngu lắm, chú có lương-tâm, thế anh không có à ? Lương tâm của chú ích gì cho chú, hay chỉ đầy-đọa chú, đầy đọa vợ chú ? Để người đàn bà khổ-sở vì ghen mình mà khổ sở không là đầy-đọa họ à ?

Tôi dụt-dè :

- Thưa anh, vì em cũng có chơi bời thật.

Anh Chung nổi giận. Chắc anh đã biết, tuy không phải ruột thịt, nhưng anh Chung coi tôi hơn máu mủ :

- À, thế ra chủ nhận cái sự vợ chú vác roi đi tìm chú là phải ? Thế thì còn phàn nàn gì nữa. Về lạy xin lỗi vợ mày đi ! Thằng con giai thì phải được rộng rãi chứ. Thế ra mày tự đóng cũi chui vào, lại còn kêu ăng-ăng lên à !

Rồi anh Chung lại hạ thấp giọng :

- Tao không biết mày phải hay trái. Cứ vợ vác roi đi lòng chồng là đáng bỏ rồi. Mày không vượt qua cái «hàng rào» này thì xuất đời mày là nô-lệ cho vợ mày, nghe chưa ! Về bỏ nó đi, bảo cho nó biết là vợ con hỗn láo như thế thì phải tống-khử đi ! Mày nên biết, không rồn đàn bà vào tử địa thì họ không tỉnh ra đâu. Mày muốn được vợ, hãy về bỏ vợ đi.

* * *

Mãi sau này, khi nhà tôi thành người vợ hiền rồi, tôi mới hiểu hết lời khuyên dạy của anh Chung. Thì ra đàn bà sợ dĩ giám hỗn với chồng là vì người chồng bằng lòng cho họ hỗn. Là vì người chồng đã gián tiếp công-nhận sự lãng-loàn của vợ bằng cách ngoi đi không giám thẳng tay. Anh Chung bảo tôi :

- Đức có trọng, oai mới nghiêm, mà đàn bà chỉ phục tùng những hạng chồng có oai, mà muốn có oai, phải

có đức. Muốn họ nghe theo mình, trước hết phải yêu họ cho hết lòng đã. Trước hết phải khắc vào tim họ cái hình-ảnh yêu đương của mình. Rồi muốn bảo gì, họ mới nghe. Đây là tôi nói hạng đàn-ông đúng-mục. Còn đã chót «dở dang» như chú thì lại phải làm lỗi khác. Trước hết, hãy tìm ngay lấy một có thật quan hệ, nghĩa là chờ hôm nào nó «quá quắt» lắm thì bảo vào mặt cho nó biết là nó đến ngày vô phúc rồi. Thế là bỏ. Bỏ thẳng. Bị lao đao, bị khép vào «tử-hình», nó mới tỉnh-ngộ, từ đấy về sau cứ dạy dần. «Nhật tích nguyệt lũy». Nhưng trước phải yêu nó đến cùng độ của lòng yêu, rồi khi nó tác quái, bỏ nó, nó mới sợ. Nó sợ rồi thì chính mình lại phải tu mình lại. Nghĩa là một mặt dạy vợ, một mặt sửa mình. Thế nào chẳng thành công.

- Thế ngộ bỏ nó, nó bằng lòng ?

- À, những hạng đàn bà không tình-nghĩa, vì chút lòng tự-ái, hy-sinh cả chồng con thì có ở với nhau cũng vô-ích, hạng ấy không bỏ, sét cũng đánh chết. Tôi nghiệm ra trăm đám đậu cả trăm. Bất hạnh phải đưa nào lòng lang dạ thú, nhất định không chịu cải thiện, chúng là ma quỷ rồi. Để nó làm vợ chỉ thêm mang tội vào mình và đầy đoạ nó thôi, giải-phóng đi càng hơn. Nói thế thôi, bài học kinh nghiệm này đã «áp dụng» trong nhiều trường-hợp, đặc sách lắm !

Muốn Được Yêu, Phải Là Thằng Đàn-Ông Quả-Cảm

Tiệm thuốc-phiện lão Bành hôm ấy họp đủ mặt các «văn hào». Chuyện thời thế, chuyện chiến-tranh, chuyện tàu bay, tàu ngầm, âm lên như vỡ chợ.

Họ nói truyện thời cục rồi-ren, nước nọ đánh nước kia, mặt khó khăn như chính họ là những vai chính trong cuộc.

Nói khỏe, nhả khói cũng khỏe. Tiếng tàu kêu vo-vo, hòa với tiếng quạt máy vù vù, nhẹ nhẹ gây thành một âm thanh đến vui tai.

Thỉnh thoảng lại một người bật giấy, hỏi chỗ sang giường bên :

- Cậu «lui» chết rồi, không thì trước nằm đây, lắm hôm giật bắn mình vì ông ấy đóng vai Trương-Phi, ông ấy hét.

Có tiếng khàn khàn đáp :

- Thôi, Cậu còn phải nói. Hồi còn mồ ma «lui», tôi chả vẫn bảo : «Anh mà «tịch» đi thì trong đám «Kết-nghĩa vườn đào», vai em Ba không ai thủ nổi.

Một tiếng khạc trước khi nhời ra :

- Thế mà ở nhà ăn nói nhỏ nhẹ đáo để. Tôi ở chung với «lui» mãi. Người nhả nhặn lắm.

Một tiếng nữa vùng ra :

- Anh Cầu đóng vai Trương-Phi thì nhất hoàn cầu !

Bao nhiêu người cười rộ lên. Có tiếng nói khẽ cuối dãy :

- Trương Phi lại có cái thứ Trương-Phi nhất hoàn cầu! Hoàn-cầu nào có Trương Phi ?

Anh chàng chót ca-tụng Trương-Phi một cách «thái-quá» ấy vặc ngay :

- Thôi xin ông, tôi thợ thuyền, thấy hay thì khen hay, thế thôi. Được đâu như các ông, văn-hoa địa-lý. Vả lại dầu bây giờ cao, văn hoa địa lý tốn dầu lắm, dài giọng văn-tự khổ đèn nhà chủ.

Ý anh chàng này muốn sỏ bợn các «nhà báo» đến tiệm hút thì ít, chuyện tếu thì nhiều. Nhà chủ lắm khi sốt ruột phải «đuôi ngọt» bằng câu hỏi :

- Ông Vân-Son nhỉ, ông làm báo thì biết, sao hội đồng hóa giá đã định giá mà dân chúng vẫn phải mua

đắt ? Hai hào một gói Bastos, ba mươi đồng một thùng dầu lạc !

Rồi nhà chủ tắc lười :

- Nhà tôi mỗi ngày mất nửa thùng đấy. Bây giờ làm ăn khổ thật. Đến chết cả thôi !

Vân-Sơn tiên-sinh là tay «lão» trong«nhật trình giới», còn lạ gì cái lối sỗ-lá vặt ấy nữa, bèn đáp cho một câu :

- Ấy, tôi cứ mong chính phủ bỏ tù những thằng đầu-cơ đi, cho chúng nó chết, cho thiên hạ đỡ kêu-ca. Sống dầu đèn, chết kèn trống, cánh mình giá có chết cũng phải bảo con cháu liệu bớt cái khoản đong đèn thờ đi, chứ không thì chỉ những chạy tiền dầu mà chết theo.

Anh chàng gán cho Trương-Phi cái tiếng «Quốc-Tế» vẫn còn hậm-hệ :

- Các ông biết chữ nghĩa sướng thật, đi đâu ăn trên ngồi chốc. Nhất là các ông làm nhật trình, làm chuyện lại càng sung-sướng, biết hết cả chuyện Tây Tàu, không như chúng tôi mù-mịt. Thật nói khí quá, giá đưa nào viết thư nó chửi thì cũng đến nhờ các ông xem hộ thôi.

Bọn nhà báo, nhà văn, biết Bân sỗ mình (tên anh ta là Bân), nhưng vì biết nó du-côn dù kẻ xưa nay, đành chịu

lép vế. Vả lại say rồi, hơi đầu đầu khẫu cho nó nhạt hơi thuốc đi. Lợi chưa thấy đã thấy thiệt thân. Ngộ nhớ nó chẳng nể, nó «sửng cồ» đại mặt.

Khí-giới của kẻ yếu là «chín bỏ làm mười», là «tránh voi không xấu mặt», là «nói với họ làm gì ?»

Nhưng Bân đã thôi đâu, nó còn giáng thêm búa nữa :

- Các ông đi «dò» tin, sao hôm nọ có thằng xưng danh là...

Rồi hình như quên, anh ta gõ mãi tiêm vào chán nghĩ:

- ... À, là Giang-Hồ, đâu bảo làm báo làm sách siếc gì, hút hai đồng tư không có tiền phải ký thẻ, các ông lại không đăng ?

Bao nhiêu người nhao nhao lên :

- Này sừ Bân, «moi» bảo, sao ăn nói hàm hồ thế ? Anh em ngày nào cũng thấy mặt nhau. Chẳng gì cũng có các ông ấy đây. «Sừ» còn lạ gì. Viết báo, viết sách, năm bảy đường, vả lại anh em cả.

Bân cười khẩy :

- Lạy các ông, chết, chúng tôi được các ông cho theo hầu là phúc rồi, đâu giám nhận là anh em. Đàn em thì

thẳng, thấy thế nào nói thế. Có phải chạm đến các ông, xin các ông tha cho.

- Sao lại chạm đến chúng «moa» ?

Bên lắng câu chuyện, gọi chủ, hỏi một câu ềề dương oai, cái lối dương oai của quân tiểu nhân :

- Tôi mấy rồi, ông Bành ?

Rồi nó lảm lảm

- Thôi, cho tôi cối chín nữa, là ba đồng rưỡi.

Nói to lên như thế là để khoe «phiện-lượng» của mình với các ngài «trí-thức» mà nó biết không bao giờ ăn chơi được như nó.

Dưới thang có tiếng giầy nện cồm cộp. Người thanh-niên vừa nhô đầu lên, ba bốn tiếng từ cuối vọng ra :

- À, anh Mai ! sao bây giờ mới đến ?

Tên bồi tiêm xun-xoe lại cất can, treo mũ.

Mai nhìn một lượt các bàn đèn rồi hỏi :

- Où sont mes gars, monsieur Bành ?

- Các ông Thu, Thủy, Thanh, ấy à ? chưa lại, ông ạ.

Mai dặn người chủ :

- Các chú ấy là em tôi, các bậc anh tài cả đây, nếu có hút chơi, cứ biên vào sổ tôi, nghe chưa ! Bất cứ lúc nào, ông chủ ạ.

- Vâng.

Thuần, nhà văn sĩ trẻ tuổi vừa bị hai Bà cà, nói tiếng Pháp với Mai :

- Vừa mới có thằng nó đang ngồi xôm kia, nó nói bóng nói gió bọn anh em nhà văn.

Nghe thấy nói bọn anh em nhà văn, Mai đã lộn mửa. Vì chính họ là sở siêng nhau hơn hết. Mai đã phải bảo họ nhiều lần :

- «Sao các anh thích nói xấu nhau với tôi là kẻ biết rõ các anh hơn ai hết !»

Nhưng vì tình diện, Mai phải bình họ. Chở Bà, Mai gọi :

- Ê, Bà, độ này khá không ?

Mai đi lại tiệm luôn, Bà đã biết tiếng chàng nên trả lời một cách từ tốn.

- Cảm ơn ông, độ này em cũng đủ tiêu.

Mai nhìn khòm khòm :

- Đủ tiêu nghĩa là hút khỏe chứ gì !

Rồi hừ hừ, Mai nheo mắt :

- Hút cho khỏe rồi mà nói nhảm, nghe chưa !

Bân cười một cách nhũn nhặn :

- Thừa ông không ạ !

Bọn nhà báo thấy Mai nét Bân, hả hê lắm, cười nói ồn ào.

Mai cũng là văn-sĩ, nhưng là văn-sĩ «tùng bách», chứ không phải văn-sĩ «sên» nên không ai giám nhìn. Và chẳng vốn có bản cách phong-lưu mã thượng nên ăn nói nhã nhặn, thành thử Mai được mọi người kính mến lắm.

Một lần cũng ở trong tiệm. Bọn anh em văn-sĩ bị hai thằng du-côn chửi sỗ. Tuy đông những yếu cả, họ đành phải nhịn. Bỗng Mai đến, cả bọn nhao nhao mách Mai. Mai ra trước giường hai thằng kia hỏi :

- Các cậu vừa nói xấu gì ông Thanh Thanh, các cậu biết mà nói hay không biết mà nói. Khai ngay. Không biết mà nói tôi tha, biết mà nói tôi bẻ cổ.

Vẻ mặt gân guốc, tiếng nói hách-dịch, đồng dục của Mai khiến hai đứa sợ hãi :

-Thưa ông, chúng tôi không biết có ông Thanh-Thanh ở đây. Vả lại chúng tôi «bình phẩm» chuyện.

Mai quắc mắt :

- Thứ các cậu bình phẩm cái gì. Muốn sống xin lỗi ngay ông Thanh-Thanh đi.

Hai đứa phải cúi đầu vâng theo.

* * *

Mai đang nằm đọc báo đợi Thu, Thủy, Thanh, đến. Bốn bốn anh em Mai đi đâu cũng có nhau. Mai «nhặt» họ ở khắp thành phố Hanoi.

Thu, Thanh, Thủy là những nhà thơ, nhà văn, đang nổi danh. Ở với Mai, họ coi Mai như anh ruột, vì lẽ Mai coi họ như em.

Một hôm thấy các bạn lang thang lếch thếch không chỗ ở nhất định, Mai bảo :

- Các anh thật quả không thương đệ tí nào cả, và các anh cũng không thương thân các anh nữa. Cứ lêu bêu thế viết, lách gì được. An cư mới lạc nghiệp chứ. Thôi lạy các anh, mai xin anh thu xếp «đồ tể-nhuyễn», «của riêng tây» vào trong đệ mà đóng trại. Đệ tuy nghèo nhưng cũng còn mạnh chân khỏe tay kiếm được. Anh em ta đùm bọc nhau. Ở trọ ngoài, không có người săn-sóc, ăn bữa đực bữa cái, ốm yếu cái thân đi còn làm ăn gì. Mà thân nào có phải của các anh. Thân hệ bang gia, các anh ốm đau, không viết lách được, thiệt bao nhiêu hoa gấm cho nhân loại.

Bảo mãi cũng không được, Mai đâm cẩu đi lòng từng người túm lôi về :

- Thân chúng mày có hần của chúng mày cả đâu, sao chúng mày dám hoài phí sức vóc đi. Tao truyền cho thằng Thu, chiều nay phải tóm cho được thằng Thanh, thằng Thủy về. Thiếu một thằng tạo diệt què. Không muốn vào trong tao, tao bắt vào, không muốn ở với tao, tao bắt ở. Tao có bổn-phận về sự nghiệp chúng mày.

Rồi Mai nói một cách ghen ngào :

- Quần áo thì «gió lên» cầm cứ là vung tứ linh, rét mướt đến nơi rồi, lấy gì mà mặc. Bảo cả chúng nó vào, rồi liệu chuộc quần áo đi. Vài hôm nữa đệ có món tiền,

đi mà may một lượt sơ mi. Trong các chú đến chết cười. Ăn với mặc. Đã đành không cần gì quần áo song cũng nên cho thơm tất. Chả trách cứ bị các nàng thơ bỏ rơi thối luôn.

Mai năm nay ngoài ba mươi. Năm hai mươi, Mai đi buôn các nước. Java, sumatra, Inde, Hồng-Kông, Thượng-Hải, giàu có trăm vạn rồi lại hết, Mai đã từng chết hụt độ mười lần. Sinh cơ lập nghiệp ở Cao-Mên, Mai có cái hoài bão muốn lập một xứ Bắc-Kỳ bên ấy. Gặp năm kinh-tế, hơn trăm vạn hết sạch, Mai quay ra buôn kim cương, buôn hột xoàn. Về Bắc được một năm, vì phong-trào cá nhân khoái lạc chủ nghĩa đục một linh hồn thanh-niên, Mai viết những bài báo đề đả đảo.

Vốn hiếu học, lại có tâm huyết, Mai nhờ ba cuốn sách gây-dựng thanh-niên được quốc dân ái mộ. Trong đời Mai, Mai vẫn nói nếu có được cái gì là do sức cố gắng mà nên. Mai quả nhiên đầy nghị lực. Phải nói là nghị lực dày như trường thành thì mới đứng. Tài năng với lòng dạ tương-đương nhau. Mai tìm cách giúp anh em về mọi phương-diện. Lời xét mình của Mai thường là :

- Tôi nhờ giỏi mạnh khỏe hơn các anh, được đi nhiều hơn các anh, nhớ nhiều hơn các anh, nếu tôi không làm gì để tạ ơn giới, thì có lẽ tôi là kẻ vô ơn. Cho nên tôi xin các anh cứ cho tôi được dâng tiền, dâng sức lực cho các

anh. Dâng cho các anh tức là dâng cho đất nước, tức là tôi phải hàm ơn các anh.

Cho nên nhà Mai là phúc đường lúc nào cũng có người ốm. Ốm đủ thứ bệnh : ốm đói, ốm rét, ốm tương tư.

Giời đã sinh ra một lũ bạn tứ bát tử của Mai với các tật bệnh, giới cũng lại cho Mai một pho thuốc kinh-nghiệm thu thập được ở khắp chân giới mặt biển. Đến vết thương Lãn-ông Biển-Thước không dám «ngó ngang» đến là vết tâm-thương, Mai cũng chỉ giảng cho vài vị là khỏi.

Nhiều lúc con bệnh nghe thấy tên vị thuốc sắp phải đưa lên miệng thì dấy nẩy lên. Nhưng Mai cười nhạt, cười cái cười của kẻ coi nhẹ sự đời, bảo các bạn :

- Các chú rất lắm, không có những vị tân-toan bao giờ canh-đục được những phương thuốc quý. Cứ uống đánh ực đi, để cho thuốc ngấm vào phủ-tạng các chú à, rồi khỏi, khỏi mới sống được mà ốm nữa chứ. Các chú định cứ ôm khư khư lấy bệnh để khai chiến với hàng sảng à.

Mai là thân-tội của các em. Quanh năm chỉ những lo là lo, lo những cái luật pháp không ghi chép, lương-tâm

gần như cũng không bắt buộc.

Có lần thấy Mai đắm-chiều về chúng bạn quá, Lan là người bạn nhỏ tuổi nhất của Mai đã phải thủ thỉ :

- Anh cứ lo nghĩ thế nát óc mất. Kệ các anh ấy. Gớm cứ đi mua sầu chuốc nảo ở số sinh nào về rồi vác cái thân «liều yếu đào tơ» vào mà ăn vạ.

Nghe đã nhiều lần như thế, nhưng bạn nào Mai cũng ôn tồn :

- Lan lạ quả nhỉ, thế em quên con người chỉ đáng với tên mình khi nào làm được những việc không biên chép trong luật pháp thôi chứ ; đây «loi non écrite» đây, thế anh hỏi chủ : vì lẽ gì khi sai đây tớ mua các thực-phẩm hảo hạng, chú lại bắt nó bọc lại khi qua nhà dưới. À, chú sợ làm tủi lòng và làm vấp ngã cho cái con Long nó mới lấy thằng Chính chứ gì, vì biết con Long vừa mới hoàn-lương chứ gì. À, thế luật nào buộc chú ?

Anh có bôn-phận phải chỉ nẻo sáng của đời cho các chú ấy thế em bảo anh hơn các chú ấy hàng chục tuổi để không làm gì à ? Thế những cái anh đau, những giọt nước mắt trong cái tuổi trẻ của anh không dùng vào việc gì à, vứt đi à ? Đời là phải thế chứ, lá lành đùm lá rách, chị ngã em nâng. Cứ ăn ở giản dị thế thôi. Đạo

đây, tu đây, trăng hạt đây. Nếu anh không là bảng chỉ đường để các chú ấy bị gai đời sé da, rút thịt các chú ấy, thì phỏng anh có đành tâm không ? một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ. Lương tâm nào có cho phép loài người cười trong khi các em khóc, vui trong khi các em buồn, ăn trong khi các em nhịn, ấm trong khi các em rét. Đừng cao siêu viễn-vọng em a, cứ người đau cũng như mình đau, tự khắc biết đủ, có đủ để mà làm được đủ.

Và anh lại muốn chú nhớ điều này : Đã mua giày buộc vào mình, tất phải vướng bận về giày. Đắp cho người, mình phải hụi đầu hụi chân. Đắp cho người, mình vẫn kín vẫn ấm sưởi mồ hôi, thì thôi, xin chú, đây là cái lối cho đầy-tớ nghĩ lễ của Harpagon.

Đời sống của Mai là cả một thiên anh hùng ca. Đã phải làm việc đầu tắt mặt tối để cung phụng một lũ em «nghệ sĩ» lại còn phải săn-sóc cả đến những cái khoái của các ông mãnh ấy nữa.

Chưa kể những nạn đi hát cháy Mai phải cho quân đi cứu hỏa.

Chưa kể các ác-tâm, ác-tính, Mai phải chịu đựng, chịu đựng để mà giáo-hóa.

Chưa kể các lời oán trách của các bạn ruột lòng dành cho, mỗi khi mỗi Mai cho các ông, các ông kiểm không nên, làm không ra, các ông ấy «thán viết» nữa. Thôi thì đủ, đủ cả một địa ngục để xả thân đủ cả một bề trảm luân để mà lấp cạn... Lòng yêu thương của Mai đúng như lời Lamenaïs tiên-sinh : nó càng trào ra lại càng đầy lên. (Plus qu'elle s'épanche, plus quelle surabonde), phải là thứ giầy cao-su để có thể cứ rần ra mãi mãi, rần ra vì bè bạn quá nhiều, phản-trắc nhiều quá. Mai vẫn phải luôn nhắc anh em :

- Các anh đến với đệ có đem theo tấm lòng kẻ làm cha hãy qua ngưỡng cửa này. Vì chỉ kẻ làm cha mới dám đòi hỏi ở con, và rồi mới dám cho con những cái gì quý nhất của lòng, chỉ kẻ làm cha mới đủ lòng thương con, mới nói được với con những điều mà đến lương-tê không dám ngỏ với minh-quân, giai-nhân không dám ngỏ với tài tử.

Tôi muốn các anh dành cho tôi cái tình phụ tử.

Quân tử thành nhân chi mỹ, Mai làm cho bè bạn những việc chính họ coi thường, chính họ cũng không biết là quan hệ.

Mai khóc những giọt nước mắt từ lòng sâu giờ phút hoài phí của bạn.

Mai lại có can-đảm sống cái phút sống ghê-rợn của kẻ làm trai nghe người ta vu cáo sau khi cơm no rượu say ở nhà mình ra :

- Mai yêu bạn đến mực, xách bạn quăng vào một nhà hát vài ngày cho vợ bạn oán-trách, cho bạn hiểu thêm về đạo trị-gia, cho bạn hiểu đời sống cay cực làm-than của lớp người son-phấn. Cho bạn sống cái phút sống của thực tế, để cho bạn hiểu đời một cách trần trụi, để cho bạn rèn lòng, luyện trí.

Lòng yêu bạn cho Mai đủ sức đứng ở bên đầu giây này vẫn giữ phần lợi địa. Nghệ thuật cao-siêu trong sự diu dặt bạn là yêu bạn thật hết lòng. Rồi tùy tính tùy nết từng người dâng ra một lời để bạn vì thương lòng chân thành của mình tu sửa lại. Mai thường vẫn xin anh em coi sự tàn phiến mình là một ân-tứ ban cho.

Trong con người Mai sự khôn ngoan không có chỗ. Mai thương yêu bạn một lòng thương đôn hậu, đầy ấp, tự nó khơi mạch cho nó, tự nó tràn ra, không bị ảnh hưởng của một nhát cuộc «xử thế» nào.

Thương yêu bạn, vì Mai không thể làm khác. Vốn tính ngay thẳng, nóng như lửa mà chịu đựng anh em hơn ai hết, chịu đựng như những người nhu nhược.

Mai hòa hợp được các đức tính tương-phản : Hay nói như vũ như bão mà lại rất có thể im đi trong nhiều trường-hợp.

Phương pháp mầu nhiệm nhất của Mai là «dĩ đức cảm nhân». Người xấu hơn hết lại được yêu gấp bội.

Một vài kẻ thuộc về loại bị quỷ ám khắp khiễng đi cạnh Mai, cũng được Mai nâng- đỡ. Những kẻ ấy sau khi sống đủ ngày tháng cần có cho sự cải thiện vẫn chưa giác ngộ, tâm-tính không thay đổi, bỏ Mai đi, Mai lìa họ với tất cả thảm-thê của lòng.

Thấy các anh em lên án nhau, Mai khuyên :

- Ghét là ghét cái tội trong nó. Còn nó, thẳng người có đủ cần dùng như ta, nếu cần, ta vẫn phải giúp.

Sống những ngày tận-tụy cho văn-chương Mai được thỏa thuê bên cạnh các bạn.

Mai đi đâu cũng dẫn các em theo. Dẫn theo để các em được thấy biết những điều làm giàu cho trí-thức, cho đời văn sĩ.

* * *

Bọn Thu, Thanh, Thủy lên với một thanh niên nữa.

Mai thấy các em ngồi nhòm dậy gườm gườm :

- Allons, toujours en retards.

Thanh vội «minh oan» ngay :

- Thưa anh, đáng lẽ chúng em về ngay. Nhưng gặp anh Ngọ đây muốn theo lên hầu anh...

Mai ngồi lại chỉnh tề :

- Lạy ngài.

Người thanh-niên luống cuống :

- Dạ... lạy ngài.

Các em xúm quanh Mai, Mai nắn cravate, vuốt sơ-mi từng người rồi nói với Ngọ :

- Các ông em tôi hay la-bà lắm, ngài chưa biết.

Ngọ nhìn Mai như người ta nhìn những pho tượng thần trong một cổ miếu, khó khăn mãi mới cất được nhời :

- Thưa ngài tôi quen anh Thanh. Nhân đọc sách ngài, tôi rất quý mến ngài, nên xin anh Thanh cho lại hầu

ngài. Mong ngài xá cho...

Mai khiêm-tôn :

- Xin đa tạ ngài, ngài quen chú nó tức là bạn tôi, xin cứ tùy tiện.

Rồi gọi bồi lấy thêm gối, Mai bảo Ngọ :

- Mettez-vous à l'aise ! ngài cứ tự nhiên cho.

Thanh khép nép :

- Thưa anh, anh Ngọ đây là bạn em, quen em từ nhỏ, xin anh coi anh ấy cũng như em.

Ngọ ngẩng nhìn Mai với một vẻ khấn nài mong được thu nhận làm em.

Mai cầm lấy tay Ngọ :

- Trước hết, xin bỏ sự xưng-hô khách sáo, anh đã có lòng yêu đến tìm tôi, tôi xin cảm ơn. Ước ao anh coi tôi cũng như anh Thanh.

Ngọ sung sướng, mặt ửng đỏ :

- Em xin anh coi em như anh Thanh.

Rồi Mai gọi tiêm thuốc.

Năm người quây quần xung quanh bàn đèn. Trong mọi lúc, Mai bao giờ cũng là cái «đỉnh» của đám. Mai từng trải nhiều, biết nhiều, đọc nhiều nên chuyện chò có vẻ uyên bác.

- Tôi vẫn thường bắt các chú nó đọc sách. Là nhà văn, ta lợi dụng được hết cả những cái mắt thấy tai nghe. Một cánh lá khô, một bông hoa rụng, một lão tiều, một ngư ông, nhất nhất đều lợi cho kiến văn ta. Đấy nhớ ! Tôi cứ nói vắn tắt thế này anh Ngọ xem có đúng không? Gặp ngư ông ta có thể hỏi thăm về một vài thứ cá ta biết tên không biết hình thù, gặp lão tiều ta có thể hỏi qua kích thước một vài thứ cây hiếm có. Nhặt lá khô, ta có cảm giác thế nào, nhìn hoa rụng ta nhớ gì về sự cỏn nhân vịnh hoa lúc tàn tạ. Nào có cảnh vật nào thừa cho ta đâu. Các chú nó bây giờ khá lắm rồi, trước tôi bắt đọc sách, oán tôi đấy anh ạ.

Đoạn sò sò vuốt tóc Thu :

- Nhất chú Thu, chú cậy có thiên tài không chịu đọc mấy khi; cứ đọc đi chú ạ, thiên tài thêm sự đọc sách, thiên tài không «nhủn» đi đâu mà sợ.

Rồi cười rất khoái trá.

Cứ cách chuyện chò, người ta biết anh em nhà Mai yêu nhau một cách thiết-tha.

- Còn chú Thủy nữa. Chú thì hay đi giang-hồ lắm. Từ rầy xin chú «tha» cho cái khoản cứ biến mười hôm lại về đây, không chừa, tôi trình mật-thám đây. Góm mấy vắn thơ gái rượu rộn cả tỉnh lên. Hôm nay về thì đọc tập thơ của Lord Byron đi. Đọc cho nó thêm thất vào cái «niêu» trí thức của chủ.

Mai lúc nào cũng tìm dịp dạy bảo các em. Ôm cái sứ mệnh đào tạo những thanh niên hữu ích, Mai không bỏ lỡ cơ hội nào. Luôn luôn Mai khuyến khích các văn sĩ, luôn luôn Mai nhắc tên tuổi họ trên sách mình. Là văn-sĩ thi-sĩ có sứ-mệnh, Mai viết những điều do máu cho viết. Mai đã từng nhiều lần khóc sự suy bại của văn chương.

Ngọ thấy Mai dễ-dàng, liền hỏi :

- Thừa anh, em tin ở sự dạy bảo của anh nên em kể chuyện anh nghe. Có điều gì cần cho sự học hỏi của em, xin anh vì lòng thương chỉ dùm.

- Vâng, anh đã tin mà hỏi, tôi xin thành-thật trong sự trả lời.

- Năm hai mươi năm, em làm bạn với một người con nhà trung lưu. Nhà em cũng được theo học đến ban thành chung. Vì có chút ít học-thức dở dang nên nó cư xử không ra thể nào cả. Nhất lại hay ghen. Tính em thì loãng-quãng không «nền nếp» được, như nhiều người khác, thành thử vợ chồng điều này tiếng nọ luôn. Em buồn muốn bỏ đi Saigon, nhưng anh Thanh can em, Thanh bảo em nên hỏi anh cách khu xử.

Mai suy-nghĩ một một lát rồi dịu dàng :

- Anh hỏi, tôi phải nói, mong anh tìm thấy trong chuyện tôi kể một bài học. Có lẽ ta cũng không nên câu nệ bắt chước cái lối thuật chuyện của các nhà tiểu thuyết dầu tên dầu tuổi vai chủ động. Tôi kể ngay chuyện của tôi khi ở Cao-Mên, năm ấy tôi hai mươi, nhà tôi mười tám. Nhà tôi kể về sắc, hoa khôi đất Saigon, về đức, không ước-ao gì hơn. Tôi, các chú trông đây, khỏe mạnh thế này...

Nơi tôi ở không có lấy một tà áo mùi, không có lấy một gót sen.

Ở cái nơi «đèo heo hút gió ấy», tôi vui với khẩu súng Mauser nặng ngót hai kilos. Ngày nào rồi, tôi thường cùng các thủ-hạ vào Vien-thom săn hươu.

Tiếc các chú chưa từng ở brousse bao giờ nên không thấy sự sống hùng-mạnh là cần. Tưởng-tượng phải đối đầu với một con hổ, với một con gấu, chỉ trượt một viên đạn là ác thú nhảy đến thoát một cái bá lầy cổ mình ngay. Không có đôi mắt sáng như gương, cánh tay rắn như sắt, trái tim dát thép, thì chỉ nghe những tiếng gầm hét của chúa sơn lâm mà chết khiếp.

Một hôm, vì mãi sẵn, hai ba ngày chưa về được, lúc đến nhà, nhà tôi mặt buồn thiu nói ngay :

- Mình đi bắn, em ở nhà buồn lắm, em không thích.

Các chú biết anh giả lời thế nào không ?

- Có lẽ mình buồn lắm nhỉ ! Thôi anh để mình tập buồn cho quen.

Thế là tôi vào nhà thay quần áo, vác valise đi BangKok. Ở BangKok luôn cho hai tháng, không một lá thư. Nhiều lúc nhớ nhà tôi, ruột quặn lại, nhưng biết làm thế nào khác. Muốn thương yêu được vợ mãi, phải biết dần lòng những phút cần phải dần lòng.

Nhà tôi nhận hai ba lần tôi chưa về, đánh luôn télégramme nhờ người quen đưa. Tôi cũng mặc. Mình có phải sắt đá đâu vợ đẹp như hoa gấm, mới lấy bốn tháng, bỏ đi biệt.

Nhưng các chú ạ, muốn thành con đao quý, phải cam tâm để cho người thợ mài xiết mình vào hòn đá dấp. Tuy đau đấy, nhưng sẽ thành quý vật. Tôi vì nghĩ vợ chồng ăn đời ở kiếp với nhau, phải dạy nhau từ thuở còn bỡ ngỡ. Đóng cho họ cái khuôn đấy, để họ sống mực-thước cho mình yên tâm. Sinh làm trai với hết các ước muốn vẫy vùng, tôi phải sống hết những sức lực tiềm tàng trong thân thể.

Cho nên, với người vợ mới cưới, tôi không cho họ đặt khuôn tôi, mà tôi nhào nặn họ theo ý tôi định.

Các chú bảo làm thế nào khác được ? Thằng con trai phải như kẻ trượng-phu thuở trước, nửa vai cung kiếm, gót chân đặt hết các ngã đời. Muốn làm kẻ trượng-phu «tận địa duy», lại muốn làm người quanh năm «đầu gối má kê» sao được ? Bởi thế, khi thấy nhà tôi mới chớm phàn nàn sự vắng nhà, tôi liền đi cho chuyến nữa để khi tôi về phàn nàn nhân thể.

Tôi về vào buổi chiều, sau sáu mươi ngày xa vắng, Về với một vẻ mặt nghiêm nghị, lạnh lùng.

Nhà tôi thấy tôi, oà lên khóc, quỳ dưới chân tôi. Các chú thử tưởng tượng, một mình ở Lovea với mấy nghìn mẫu đồn-diền, với vài chục gia nhân, cứ nhìn thấy mây chiều, nắng sớm mà héo người.

Chuyến ấy yên. Nhà tôi không mè nheo gì cả.

Lúc thanh-thời, tôi mới cắt nghĩa cho nhà tôi hiểu cái nghĩa cao rộng của thằng đàn ông, hiểu cái bổn phận của người vợ.

Nhà tôi vốn người hiền đức, nhận ngay ra ý tôi. Tôi nghiệm thấy sau khi đi về nhà tôi yêu tôi hơn lên. Nhưng điều sung-sướng là trong sự mặn nồng, tôi nhận thấy ở nhà tôi cả một niềm thờ kính tôi.

Là chồng, các chú xét, nếu chỉ cầu vợ yêu mình như yêu con chó xinh xẻo, còn thú gì ? Tôi muốn trong sự vợ tôi yêu đương tôi có cả một lòng thờ phụng nữa. Vì xưa nay tôi vẫn chủ trương : Chồng là chúa của vợ và vợ là tôi mọi của chồng, nhưng tôi mọi được tôn trọng một cách thiêng liêng. Có nước nào trên thế giới làm đàn anh thiên hạ mà đàn bà trong nước không coi chồng như cha ? Đàn bà, phần hoa gấm của quốc gia ; chúng ta, những kẻ cả của nhân gian mới là giáp sắt của đất nước.

Yêu họ, thương họ, nhưng đừng yêu thương đến nỗi giáp rỉ, bào móc-meo.

Yêu họ, thương họ, nhưng phải yêu thương phải đường. Đừng để họ vì được yêu thương, lấn áp phần

đất sự nghiệp của chúng ta.

Muốn được hưởng vĩnh viễn tình yêu, hãy lên vào đầu người đàn-bà cái lý tưởng : Chồng là chúa.

Muốn cho đàn bà được sung sướng trọn đời họ, say-mê với hạnh phúc yêu đương hãy bảo cho họ biết : Chỉ người chồng trượng-phu mới đủ lòng, đủ tình ban phát cho vợ. Yêu con hồ mới được bộ da quý, yêu con chó, cả thịt xương nó chỉ đáng vài ba đồng bạc thôi.

Sống cạnh tôi hơn một năm giờ, nhà tôi hưởng những ngày đầy lạc thú, vì tôi đã lấy lòng yêu của thân từng-bách ấp ủ nàng.

Cách nơi tôi ở, mới có một nhà đoan. Tôi đã nói với các chú nhiều lần, tôi ở Cao-Mên vừa làm đồn điền, vừa tải lậu thuốc phiện sang Xiêm.

Vì có hoài bão di-dân Bắc Kỳ sang lập tỉnh bên ấy, tôi liều thân mưu-tính sự kiếm tiền bằng sự tải «hàng nâu». Nói đến buôn thuốc phiện, các chú không thể lượng hết nguy cơ của nó. Buôn thuốc phiện lậu không như ở đây, bắt được hàng tịch hàng, bắt được người bỏ tù người dăm bảy tháng, một hai năm là cùng.

Không, không thể. Kẻ buôn lậu từ Cao-Mên sang Xiêm phải biết điều này : Bắt được, tù tù mười lăm năm

trở lên. Lần thứ hai xử bắn. Đây là về phần nhà đoan. Còn đường vận tải thì ôi thôi, cả một chiến-trường đề qua !

Giặc cướp như rươi, hớ-hênh một tý, vài ba chục ông đầu trâu mặt ngựa, vài ba chục tay súng chĩa vào đầu mình.

Đây là chưa kể bọn thủ hạ lừa phản. Bọn thủ hạ vài ba chục đứa, tên nào ít ra cũng vài cái án sát nhân trên lương-tâm.

Chưa thềm kể đến nhà đoan, cứ mỗi chuyến đi là một lần troi với thân chết, là một lần giao mạng cho rủi may.

Thoát đường vận tải, sang đến Xiêm, qua được nhà chức trách Xiêm, lúc ấy cũng chưa hoàn hồn. Lướt về không phải là không nguy hiểm. Vài ba chục vạn đề lộ cho quân cướp nó biết, nó theo rồi, nó chịt ngang đường. Hay bọn thủ-hạ manh-tâm nạp cho mình một phát thì thôi chứ gì ? Kêu ai ? Đây, sự buồn lậu đây !

Vì biết anh buồn to ở ngả này, nên nhà đoan cho lập một «poste» cách nơi anh ở năm cây số.

Dăm ba ông lính ở cái đồn hẻo lánh ấy cũng chẳng quan tâm gì. Thế mà ngày nào anh cũng cưỡi ngựa lên thám thính. Bọn thủ hạ đã phải bầm :

- Thừa thầy, làm gì vài ba cái ông sậy ấy !

Nhưng chiều chiều, tôi vẫn phi ngựa lên, tay «lăm-le» khẩu súng.

Bọn lính ngờ tôi khiêu-khích, không thẳng nào dám «ngó-ngàng» tôi.

Duy chỉ mình tôi biết với tôi cái có lai vãng cửa đồn, cửa phủ ấy. Xin các chú tha lỗi cho, thật quả «bí-mật» hơn các chuyện trinh thám. Tôi sờ dĩ chiều nào cũng điếu qua là vì... ở đây có một thiếu-nữ rất đẹp. Thiếu nữ ấy là vợ một viên cán-sự gần «poste» đoàn.

Các chú còn lạ gì cái nghề gái giang hồ với giai tứ-chiêng. Nàng thướt-tha bóng liễu, anh hùng-dũng trên con ngựa Poay của anh. Anh chắc thế nào tụi lính đoàn chả nói chuyện anh với nàng.

Ở cái nơi người đen như củ súng, cây cỏ khô rạc đi, nàng quả là giai nhân của anh, anh quả là tài tử của nàng.

Chắc không nói, các chú cũng thừa thông minh để hiểu, chỉ một cái nhìn, chỉ một cái mỉm cười, anh đã làm quen được với nàng.

Người ta, dù yêu quý vợ thế nào mặc dầu, cũng có lúc trộm mạng một tý...

Anh tìm cách gặp nàng. Nàng ở nhà sàn một mình với người cháu gái độ mười hai, mười ba tuổi. Chồng nàng nằm dưỡng bệnh tại Pnom-Pênh.

Một hôm sáng sớm, anh tìm lên đón nàng ở cửa rừng, vì anh đã dò biết bình-minh nào, nàng cũng cùng cháu đi hái hoa mào gà.

Khi thấy nàng và cháu thấp thoáng cách anh trăm thước, anh nổ một viên đạn chỉ thiên.

Hai cô cháu rụng rời, kêu rú lên. Anh chạy lại xin lỗi. Thật là cả một «film cinéma». Nàng trách một vài câu qua loa, rồi bắt đèn. Bắt đèn anh một bó hoa.

Anh buộc ngựa, đưa nàng và cháu sang suối tìm hoa.

Đi được trăm bước, trước mặt có mẹ con con hươu đang tha thân ăn cỏ. Anh giơ súng toan bắn, nàng níu khỉu tay ngăn :

- Tội-nghiệp, thầy hai ôi ! Tội nghiệp, con nó nhỏ chút sít mà.

Tôi nghe nàng, không bắn. Nàng bắt tôi dừng lại cho nàng được ngắm cảnh hai mẹ con con hươu áp nhau

dưới gốc cây.

Anh với nàng quen nhau được hai tháng thì một hôm nàng cho mời anh lại chơi.

Ra đi với tất cả khoái cảm đầy áp lòng :

- Mình ở nhà, anh về Saigon ba ngày, anh lên.

Nhà tôi xếp va-li cho tôi, tặng thêm cho tôi một cái hôn.

Cũng nên nói nàng và nhà tôi là cả hai bức tranh thủy mặc và sơn thủy. Nhà tôi thanh-tơ nhỏ chỉ bao nhiêu, nàng vụng về thô lỗ bấy nhiêu. Tuy có chút sắc đẹp, nhưng vì thân dầu rã giang hồ, nàng cử chỉ không ra mẫu kẻ lịch người thanh mảy. Thỉnh thoảng trong câu chuyện, nàng nói chen vào vài ba chữ Pháp «bồi» thật là chối tai.

Mặc dầu nàng quê kệch, đôi mắt bồ câu cũng không vì thế kém tình tứ.

Mặc dầu nàng không thanh tao, đường cong chẳng vì thế biến hình ra.

Nàng không có vẻ người đàn bà làm vợ, làm mẹ, nhưng thừa đáng điệu của kẻ tình nhân...

Nàng tiếp anh trên nhà sàn. Nàng rót cho anh những cốc rượu mùi hạng nặng, nàng cho anh xem quyển album, để có dịp cúi xuống tận mặt anh, chỉ cho vài ba tấm hình.

Rồi nàng kể lễ sự cửa sự nhà, thân thế, «công danh» và bao nhiêu thứ nữa. Câu chuyện từ «alpha» đổi sang «omega», từ câu hỏi về những bức tranh, bức thơ chuyển sang những cái nhìn trao đổi, những nụ cười hứa duyên...

Đêm ở cửa rừng mà không một tiếng hét của ác-thú, không một tiếng hót của chim muông. Có lẽ điệu đàn du-dương của ái-ân đã vang hơn tiếng của rừng khuya.

Hôm sau, nàng và anh đang ngồi đánh bài trên «divan» thì đứa cháu gái chạy vào báo có bà nào đi ngựa đến.

Anh lắng tai nghe thấy tiếng ngựa dẫm trên sỏi kêu sột-soạt. Nàng biết ngay là nhà tôi đến. Sợ run lên, nàng níu lấy tôi :

- Chị hai đến rồi sao thầy ?

Anh nghiêm sắc mặt đứng dậy, lay tay nàng hỏi :

- Mình tin qua không ?

Nàng gật đầu. Anh ra hiệu cho nàng khoác tay ra ngoài hiên.

Dưới đất, năm con ngựa thông-dong. Vợ anh đứng đầu, theo sau là bốn gia-nhân. Mặt hầm hầm, vợ anh cầm khẩu súng đợi anh xuống. Anh ngó mặt nàng thấy sấm ngóét, anh cười gằn :

- Mình sợ không ? Mình tin qua không ?

Nàng chắc sợ vợ anh, không dám đáp lời. Anh giơ tay cho nàng khoác, từ từ bước xuống. Vừa bước anh vừa nhìn vợ anh chăm chăm.

Thông-thả, điềm tĩnh, anh lại gằn, tay vẫn ngoe-nguẩy cái «cravache».

Đến gần, anh giật khẩu súng vợ anh cầm, giơ ra xem thấy có đạn, lấp vào cẩn thận, rồi anh đưa giả.

Một tay đưa giả súng, một tay anh cởi khuy, chỉ vào ngực hét :

- Bắn ! Bắn !

Vợ anh không nhúc nhích, anh mắng theo :

- Về !

Vợ anh giật cương quay ngựa, anh còn đánh cái «cravache» vào đít ngựa. Ngựa lồng lên, vợ anh suýt ngã, quay lại kêu :

- Ô, anh !

Anh thản nhiên như không biết gì, quay lên sàn.

Người đàn-bà, một khi đã thấy ta cử động khoát đạt thế, chắc quên ta cũng khó.

Điều này các cúủ nên nhớ : Anh sở dĩ bảo được vợ anh là vì anh đã yêu vợ anh hết cái lửa của lòng mình. À, chứ nếu chưa cho nó hiểu cái nghĩa cao đẹp của tình vợ chồng mà đã vội giơ ngực ra thì bây giờ chắc không còn nằm ở đây chuyện chò với các chú.

Ngón Tay Thề

Thảo đang xem sách thì Huy bỏ vào, hốt-hoảng :

- Anh Thảo, quả như lời anh nói, Xuyên đã nhận lời hỏi của Minh.

Rồi ngồi vật xuống ghế, mặt nhợt nhạt.

Thảo đứng dậy, lại vuốt tóc bạn :

- Cũng phải quên đi, biết làm thế nào ? Đàn bà... bao giờ chẳng thế.

Huy, mắt nhắm nghiền, đầu gục xuống :

- Thật là đau khổ, tôi không thể ngờ Xuyên phụ tôi.

Thảo lay bạn :

- «Ne t'en fais pas !»

Huy hôn hên :

- Đàn bà, cái giống sảo trá !

Đã đành, nhưng biết họ sảo trá vẫn phải yêu, kiếp mình thế.

- Tôi không thể ngờ Xuyên lại có thể lừa-dối tôi một cách tàn nhẫn như thế.

- Hèn-hạ thì đúng hơn !

- Vừa mới tối hôm qua, Xuyên còn chối bai-bãi cái tin Minh hỏi, Xuyên còn thề với tôi những lời như khắc cốt minh tâm.

- Tôi chẳng đã «*prévenir*» cho anh là gì. Minh nó nói cho tôi biết từ lâu rồi.

- Thật là khốn nạn.

- Huy ạ, anh phải can đảm lên một chút mới được. Đau, đành anh phải đau. Có kẻ tình nhân nào bị phụ bạc không đau ? Nhưng đau không phải là có để chết đi. Đời còn nhiều, ngày mai trời lại ứng hồng. Thời-gian sẽ hàn vết tâm thương cho anh.

- Tôi sợ vết thương không bao giờ hàn được.

- Tôi cũng đã nói như anh một lần. Tôi cũng đã ngã như anh một bận. Vết thương còn nặng hơn anh nhiều. Mới đầu, tôi tưởng chung thân, tôi sẽ lê khối hận-tình đi khắp chân gòl mặt biển. Thế mà ngày tháng bao giờ cũng là danh-y cho nỗi đau khổ loài người, tôi lại có thể tươi vui được sau vài ba tháng.

- Vài ba tháng, tôi, tôi không thể quên như thế được, mặc dầu Xuyên đã phụ tôi một cách bản thủ.

- Kẻ nào đang đau mà bảo quên ngay được ? Tôi không dám nói nhiều trong lúc anh bị căng sé bởi thất vọng. Nhưng tôi có bốn phận phải nhủ anh : Ta chỉ đau, chỉ khổ khi nào người yêu ta không phụ ta mà thôi.

- Đây là lý, lòng yêu có lý nào đâu ? Ai len-lỏi vào cùng-đề trái tim tôi để biết nó đang nứt, đang vỡ, đang bị phản bội khía từng khía sâu. Ai hứng được máu tim tôi ?

- Anh cứ khóc đi, khóc cho nước mắt tưới vẩy cho hết các oan-hồn ở thế giới, khóc cho sự hèn hạ cái giống the lua chỉ biết có bề ngoài, chỉ sống cho ba tác da. Khóc đi, khóc cái lòng sảo trá của con cháu thần Vệ nữ, khóc cái sự nô lệ cho lua là vàng ngọc của đàn bà. Khóc cho chán, cho đổ máu mắt ra. Nhưng khóc để mà lòng nhẹ bớt đi, chứ không phải để chết lả trong tuyệt vọng.

- Có lẽ tôi chết mất, anh Thảo ạ. Tôi quên làm sao được con mắt huyền ảo của Xuyên, đôi môi trái tim của Xuyên, giọng nói thánh thót của Xuyên ? Tôi quên thế nào được những buổi chiều ở Đồ sơn, Xuyên ngả đầu vào ngực tôi, nói với tôi những lời từ kiếp trước tôi chưa được nghe ?

- Tôi không muốn anh đau khổ quá. Đời còn nhiều oan trái lắm. Cẩn răng lại, mím môi vào, cố gắng mặt lên nhìn vào mặt trời đang đỏ ối kia xem có phải vũ-trụ thênh-thang, bao-la không ?

- Mặt giời của lòng tôi đã lặn rồi. Đời tôi tôi tắm.

Thảo ái ngại, đỡ Huy xuống «divan», lấy chân đắp ngang bụng cho bạn, rồi hát vang :

*Vì người đẹp ở tháp ngà
Có bao giờ đến lầu thơ tôi-tàn*

(Trịnh thúc-Hiến)

* * *

Hai tháng sau, Thảo lại rủ Huy đến nhà Thục chơi :

- Thục, cháu bà Hoa-Phương, anh biết đây chứ ?

- Biết.

- Tôi sẽ đưa anh lại chơi, xem đốt ngón tay ngâm trong chiếc lọ thủy tinh.

- Đốt ngón tay ?

- Phải, đốt ngón tay ngâm trong chiếc lọ thủy tinh.

- Có lẽ anh Thục học thuốc.
- Không,
- Sao anh ấy lại chơi ngón tay ?
- Của sa tante. Của bà Hoa-Phuong.

Huy ngạc nhiên :

- Sao lại của bà Hoa-Phuong ?
- Kỷ vật của bà ấy.
- Anh biết ?
- Thục kể cho tôi nghe.
- Một chuyện báo thù ghê gớm ?
- Không, một chuyện tình vừa thê thảm, vừa khốn nạn.
- Một chuyện tình của Thục ?
- Của bà Hoa-Phuong.
- Là nhĩ !
- Bà Hoa-Phuong là nữ thi sĩ đấy.

- Anh kể cho nghe xem nào. Các bà ấy có tuổi rồi cũng tình lụy, trách gì bọn trẻ chúng mình.

- Chuyện lâm ly lắm, anh ạ.

- Tất nhiên là lâm ly.

- Bà Hoa-Phuong là một nữ thi-sĩ, trước làm giáo học. Trong thời kỳ dạy học bà gắn bó với một bạn đồng nghiệp cùng trường, Mỗi tình thâm-thiết trong ba năm. Tài tử giai nhân vốn là giống nhiều cao vọng, bà khuyên người yêu nên xuất-dương du học, khi thành tài về sẽ tính chuyện gởi chẵn. Được má hồng khuyến-khích, anh hùng liền vượt trùng dương. Nhưng xa nhau ít ra cũng 6, 7, năm giờ, tình thâm sợ phai, hai bên bèn thề thốt. Không phải lối thề trên chữ của phần nhiều cặp trai gái bây giờ. Họ thề trên máu nhau. Nghĩa là trước khi xuống Hai-phong để đáp tàu Claude Chappe, chàng để lại cho nàng một đốt ngón tay.

Đốt ngón tay tuy ngắn cùn, nhưng nó hàm cả một nghĩa tình dài.

Chàng ra đi nơi đất khách quê người, vui với công-danh sự nghiệp. Nàng ở nhà phòng khuê tháng đợi năm chờ, vui với đốt ngón tay.

Mỗi khi nhớ đến người yêu, bà Hoa-Phương lại ngậm ngùi nhìn ngón tay trong lọ thuốc. Bè bạn ngày nào cũng kéo đến nhà bà để xem cái tang-chứng của kẻ chung tình.

Những lúc bà muốn khóc vì câu :

*Chàng đi vò võ phương xa,
Để em ôm bóng trắng tà năm canh.*

thì bà lại được an ủi ngay, an ủi vì ít ra thịt xương người yêu bà còn ở trước mặt bà.

Tiếng «ngón tay thề» vang lừng tỉnh, ai cũng khen cho văn nhân, tài-nữ là những người có tình, có nghĩa.

Bà Hoa-Phương ngày ngày đan áo ngấm ngón tay, đếm từng mũi kim, cũng như đếm từng giờ khắc.

Mỗi khi có người lại chơi, bà lại sung-sướng, sung sướng vì ai cũng phải khen tấm duyên giai ngẫu của bà.

Mỗi tháng hai lá thư tình lang gửi về cho bà. Mỗi tháng hai lá thư bà gửi sang cho tình lang.

Hai năm đầu, thư từ đi lại đều đều, không chậm trễ bao giờ. Đến năm thứ ba, năm tình lang bà học để thi cử-nhân, thì hình như chương trình nặng quá, không năng viết thư về.

Cái tình trong như ngọc, trắng như ngà, bao giờ lại có vẩn chút bụi đời mà sợ, cho nên bà Hoa-Phương vẫn yên lòng. Yên lòng đan áo chờ mong.

Bỗng một hôm, bà nhận được thư người yêu bà phàn nàn nổi túng thiếu. Bà vội vã thu thập được ngót nghìn gửi sang cho người yêu, kèm theo những lời an ủi.

Rồi thư cứ thưa dần, rồi tin-tức bất. Suốt hai năm cuối, bà chỉ nhận được có bốn lá thư nói trọ học ở Orléans, nhà một quả phụ.

Rồi một hôm mưa sầm gió thảm, bà nhận được một lá thư dài của người yêu, trong thư gửi lời từ-tạ, vì đã... làm lễ thành hôn với con bà quả phụ ấy rồi.

Điều khổ tâm cho bà là trong thư, tình-lang nói sở dĩ phải ép lòng kết duyên với ái nữ bà quả phụ là vì mang nặng ơn chu cấp.

Bà còn nước mắt đâu mà khóc, bà còn biết khóc gì ? Khóc gì, khi sự đau đớn đã quá mực đến như thế ? Khóc gì khi người tình đã hèn-hạ đến như thế ?

Bây giờ, ngón tay kia không phải là để tưởng vọng người ngoài muôn dặm mà là để làm chò cười cho kẻ quen người thuộc.

Thảo kể xong, nhìn Huy một cái nhìn sâu sắc :

- Anh đã thấy chưa, văn nhân tài nữ họ cũng lừa dối nhau như thế đấy. Hạnh phúc, sao ta lại đi xây hạnh-phúc trên cái bãi cát ái-tình rất dễ lở bồi ?

- Để đến khi keo rã hồ tan, ta lại oán giời trách đất.

- Ái-tình, chỉ có ái tình trên trái tim người danh-dự. Người đàn bà thường nhầm, không biết chọn người.

- Lòng yêu, phải là lòng yêu của người có danh dự thì lòng yêu mới được bảo đảm. Còn cái lòng yêu hứa hẹn lúc kẻ môi, áp má, trắng bạc, núi vàng là tình yêu mượn, tình yêu trong sách vở, trên da thịt.

- Cho nên da thịt sa-sút là lòng yêu sa-sút.

- Mà da thịt thì dễ sa-sút lắm. Tình yêu mượn, lúc nồng lên thì ôi thôi, hứa vung đi, thề vung đi, nước mắt đổ ra như thác. Thì anh bảo làm gì chẳng nỡ nùng ? Nhất là lại có cái cảnh : «thuyền buộc sông mưa, ngựa dừng trăng khuyết» «bỏ» vào thang thuốc tình ái ấy nữa, thì cứ là vô-số ái ân. Nhưng khi sông hết mưa, trăng hết khuyết thì thuyền đi đằng thuyền, ngựa đi đằng ngựa, vàng phai, đá nát là thường.

- Như bà Hoa Phương chẳng hạn, dăm ba câu thơ sáo, chàng nàng gắn bó lấy nhau. Lúc cuộc đời xô vào thực tế, xú lạ, người lành, của rẻ, chàng nghĩ đến quần áo, tiền bạc hơn là nghĩ đến thơ yêu. Thế là chàng bội ước. Thế là nàng lại khóc, lại đau, lại khổ, lại bù-lu bù-loa lên.

- Phải, anh nói phải : Lòng yêu phải ban ra bởi con người có danh dự thì lòng yêu mới cùng với trời đất lâu dài, núi sông vĩnh viễn. Còn tình yêu của thằng hèn dâm đến là tình yêu «sớm nở tối tàn». Chỉ người có danh-dự mới biết yêu và mới yêu được. Chỉ người danh dự mới ôm lá cờ tình ái, liều chết cắm vào đất giặc.